

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Xuân Ngân

Mã SV: 1513401023

Lớp: QTL902K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài:

**KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THUẬN THIỆN
PHÁT**

Lời mở đầu

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho mét doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình : Vốn và nguồn, tăng và giảm ... Mỗi thông tin thu được là kết quả của quá trình có tính hai mặt: thông tin và kiểm tra. Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chóng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

*Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết báo cáo: “**Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần nuôi trồng thủy sản Thuận Thiện Phát**”*

Báo cáo gồm ba phần:

- **Chương 1 : Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.**
- **Chương 2:Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Thuận Thiện Phát**
- **Chương 3 : Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát**

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.

1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền.

a. Khái niệm vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất, bao gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ở các ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các khoản tiền đang chuyển. Với tính lưu hoạt cao – vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí.

b. Đặc điểm.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm các loại vật tư hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đồng thời vốn bằng tiền cũng là kết quả của việc mua bán và thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ do vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao, nên nó là đối tượng của gian lận và sai sót. Vì vậy việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý thống nhất của Nhà nước.

c. Phân loại vốn bằng tiền.

Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền được phân chia thành:

- ✓ Tiền Việt Nam: là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc và đồng xu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- ✓ Ngoại tệ: là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành trên thị

trường Việt Nam như: đồng Đô la Mỹ(USD), đồng tiền chung Châu Âu(EURO), đồng yên Nhật(JPY)...

- ✓ Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là loại tiền thực chất, tuy nhiên loại tiền này không có khả năng thanh khoản cao. Nó được sử dụng chủ yếu vì mục đích cất trữ. Mục tiêu đảm bảo một lượng dự trữ an toàn trong nền kinh tế hơn là vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.
- Theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm các khoản sau:
 - ✓ Vốn bằng tiền được bảo quản tại quỹ của doanh nghiệp gọi là tiền mặt.
 - ✓ Tiền gửi tại các ngân hàng, cá tổ chức tài chính, kho bạc nhà nước gọi chung là tiền gửi ngân hàng.
 - ✓ Tiền đang chuyển: là tiền trong quá trình trao đổi mua bán với khách hàng và nhà cung cấp.

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền.

Hạch toán vốn bằng tiền sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ.

Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ được xử lý chênh lệch như sau:

- Nếu chênh lệch phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) thì số lãi do tỷ giá được phản ánh vào TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính và lỗ do tỷ giá được phản ánh vào TK 635 - Chi phí tài chính.

- Nếu chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (là giai đoạn trước hoạt động) thì số chênh lệch được phản ánh vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Trường hợp các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh là ngoại tệ phải đồng thời theo dõi chi tiết theo nguyên tệ (trên Tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”) và quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch.

Doanh nghiệp có thể sử dụng ngoại tệ để ghi sổ (phải xin phép) nhưng khi lập báo cáo tài chính sử dụng ở Việt nam phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch.

Cuối niên độ kế toán, số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

Đối với vàng, bạc, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các đơn vị không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi tính giá xuất của vàng, bạc, đá quý có thể áp dụng một trong những phương pháp tính giá hàng xuất kho như: Giá thực tế đích danh, Giá bình quân gia quyền; Giá nhập trước xuất trước; Giá nhập sau xuất trước.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Phản ánh kịp thời các khoản thu, chi bằng tiền tại doanh nghiệp; khóa sổ kế toán tiền mặt cuối mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ

Tổ chức thực hiện đầy đủ, thống nhất các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán vốn bằng tiền nhằm thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện kịp thời các trường hợp chi tiêu lãng phí,... So sánh, đối chiếu kịp thời, thường xuyên số liệu giữa sổ quỹ tiền mặt.

1.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp.

1.2.1 Khái niệm tiền mặt tại quỹ.

Tiền mặt là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ hoạt kết của doanh nghiệp bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý

1.2.2 Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ.

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại

doanh nghiệp bao gồm : giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ , ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý đá quý ...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

Pháp lệnh kế toán, thống kê nghiêm cấm thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hoá, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

Kế toán tiền mặt phải theo dõi, kiểm tra thường xuyên liên tục số hiện có, tình hình biến động tiền mặt. Khi thu chi tiền mặt phải đóng dấu đã thu, đã chi vào chứng từ thu chi.

Cuối ngày, thủ quỹ phải căn cứ vào chứng từ thu chi vào sổ quỹ lập báo cáo quỹ, gửi sổ quỹ kèm báo cáo quỹ cùng chứng từ gốc cho kế toán vốn bằng tiền, phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu với sổ sách kế toán, nếu có sai lệch phải cùng kế toán tìm nguyên nhân.

1.2.3. Chứng từ kế toán sử dụng.

-Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng kiểm tra và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ.

Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)

Phiếu chi được lập thành 3 liên và chỉ sau khi có đủ chữ ký (Ký theo từng liên) của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ.

Sau khi nhận đủ số tiền người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận bằng chữ, ký tên và ghi rõ họ, tên vào phiếu chi.

Liên 1 lưu ở nơi lập phiếu.

Khóa luận tốt nghiệp

Liên 2 thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

Liên 3 giao cho người nhận tiền.

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có uỷ quyền) và kế toán trưởng.

Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu - chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu - chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu - chi thủ quỹ ký tên đóng dấu “Đã thu tiền” hoặc “Đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ.

Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với báo cáo quỹ rồi nộp báo cáo quỹ và các chứng từ cho kế toán.

Ngoài phiếu chi, phiếu thu là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như :

- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hoá đơn bán hàng
- Biên lai thu tiền ...

1.2.4 Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản:

Đề hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”.

Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu , chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu) , ngoại tệ , vàng bạc , kim khí, đá quý của doanh nghiệp.

Nợ	111	Có
<u>Số dư đầu kỳ</u>		
+ Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, tiền, nhập quỹ.		+ Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, xuất quỹ
+ Số tiền mặt, ngoại tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.		+ Số tiền mặt, ngoại tệ, thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
+ Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ(đối với tiền mặt ngoại tệ.		+ Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.
Tổng PS tăng		Tổng PS giảm

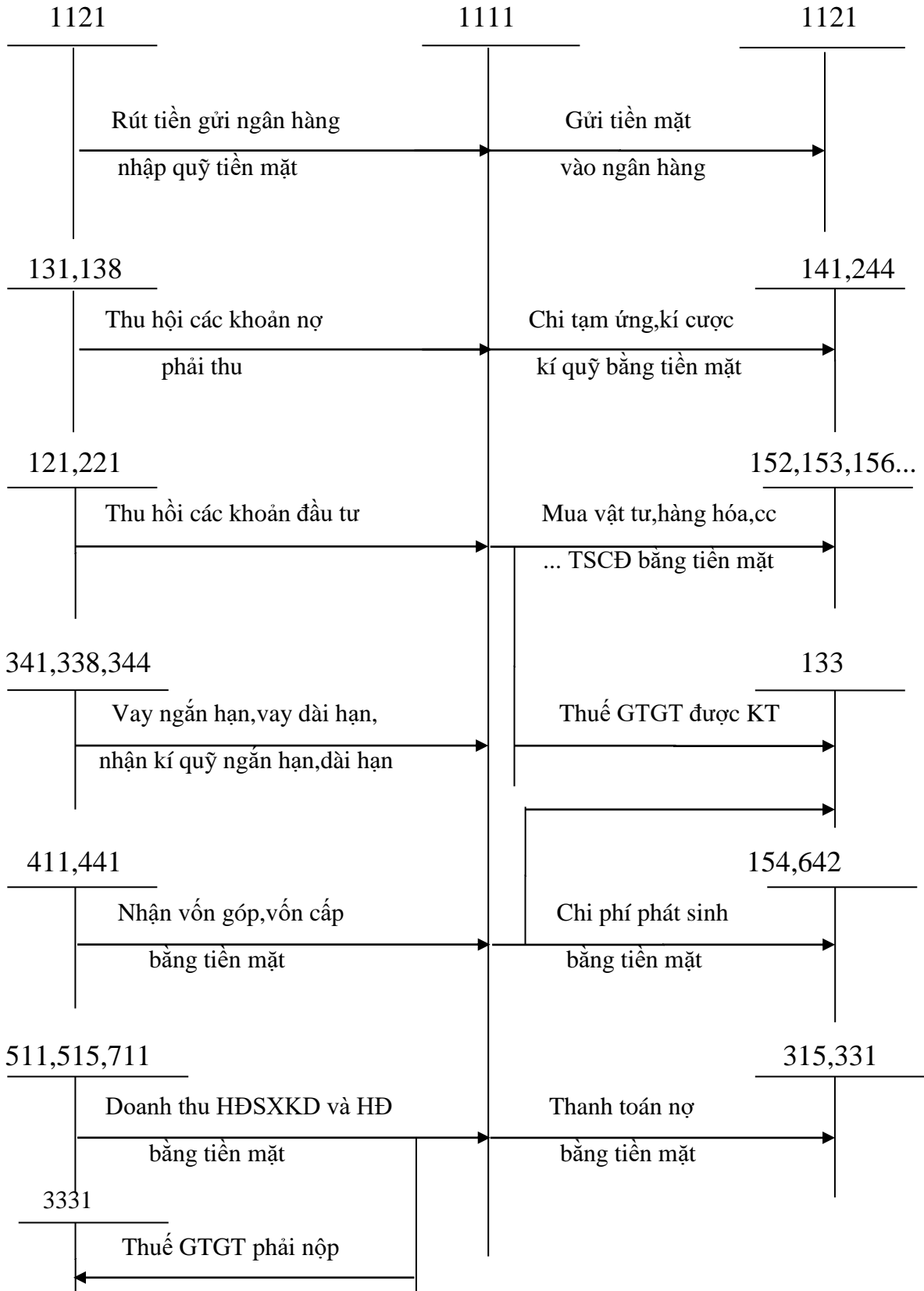
Số dư cuối kỳ

-Tài khoản 1111-Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu chi,tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

-Tài khoản 1112-Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu chi,tăng giảm giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi đồng Việt Nam.

-Tài khoản 1113-Vàng,bạc,kim khí quý,đá quý: Phản ánh giá trị vàng ,bạc,kim khí quý,đá quý nhập,xuất,tồn quỹ

1.2.5 Sơ đồ kế toán vốn tiền mặt.

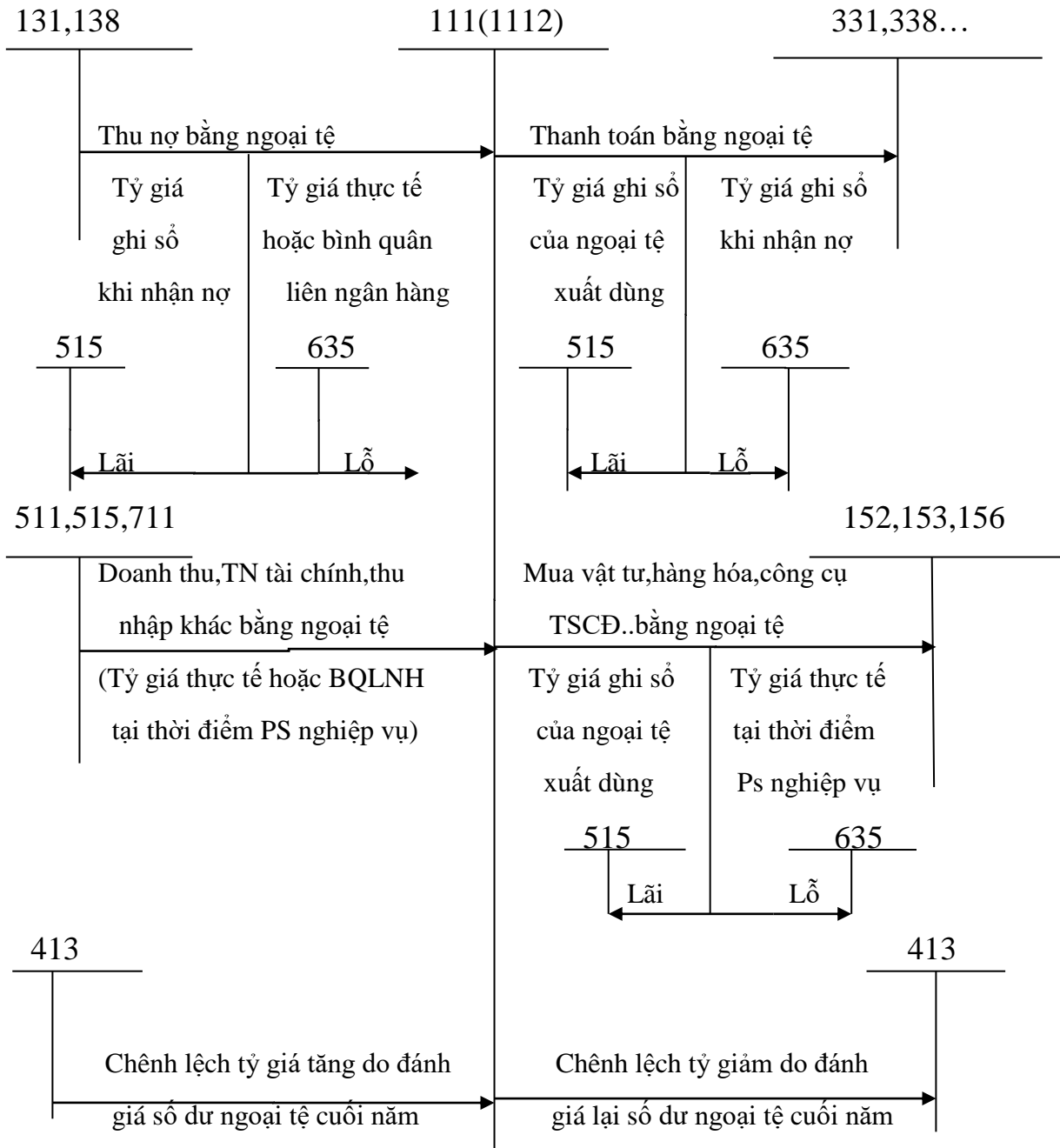


Khóa luận tốt nghiệp

+ Hạch toán tiền mặt ngoại tệ.

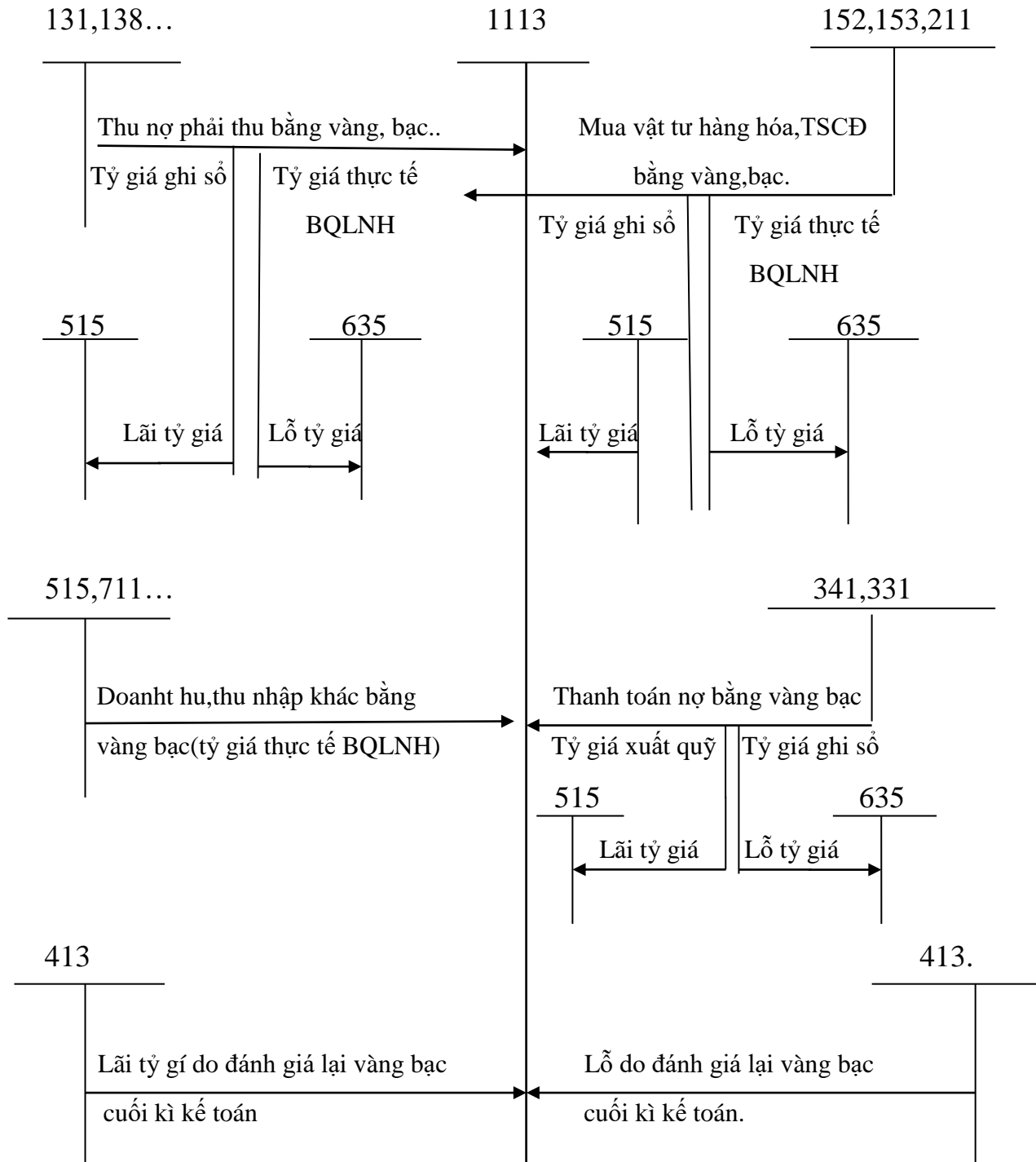
Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh, khi phát sinh các nghiệp vụ về thu, chi ngoại tệ, kế toán phải thực hiện ghi sổ kế toán phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán bằng đơn vị tiền tệ thống nhất là “đồng” Việt Nam.

Sơ đồ hạch toán tiền mặt bằng ngoại tệ



Hạch toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí, đá quý.

Sơ đồ hạch toán tiền mặt tại quỹ là vàng, bạc, đá quý.



1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng.

1.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng.

Kế toán tiền gửi ngân hàng là một trong những công việc rất quan trọng. Thông thường phần lớn tiền của doanh nghiệp thường được gửi ở ngân hàng, kho bạc hoặc các công ty tài chính để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt.

Trong kế toán tiền gửi ngân hàng khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì kế toán tiền gửi ngân hàng của đơn vị phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo.

Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời.

Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng.

Số chênh lệch được ghi vào các Tài khoản chờ xử lý. (TK 138.3- tài sản thiếu chờ xử lý, TK 338.1- Tài sản thừa chờ xử lý).

Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán, kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát

sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi từ ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

1.3.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, giấy báo có, bản sao kê của ngân hàng. - Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp.

Kế toán tiền gửi ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

1.3.3. Kết cấu và tài khoản kế toán sử dụng

a. Tài khoản sử dụng

Tài khoản để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là:

TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam
- Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim loại, đá quý

b. Kết cấu

Nợ	112	Có
<u>Số dư đầu kỳ</u>		
Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng		Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý ra từ ngân hàng
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do
Số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.		đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.
Tổng PS Tăng		Tổng PS giảm
<u>Số dư cuối kỳ.</u>		

c, Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Giấy báo nợ
- Bản sao kê của Ngân hàng

Các chứng từ khác như séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

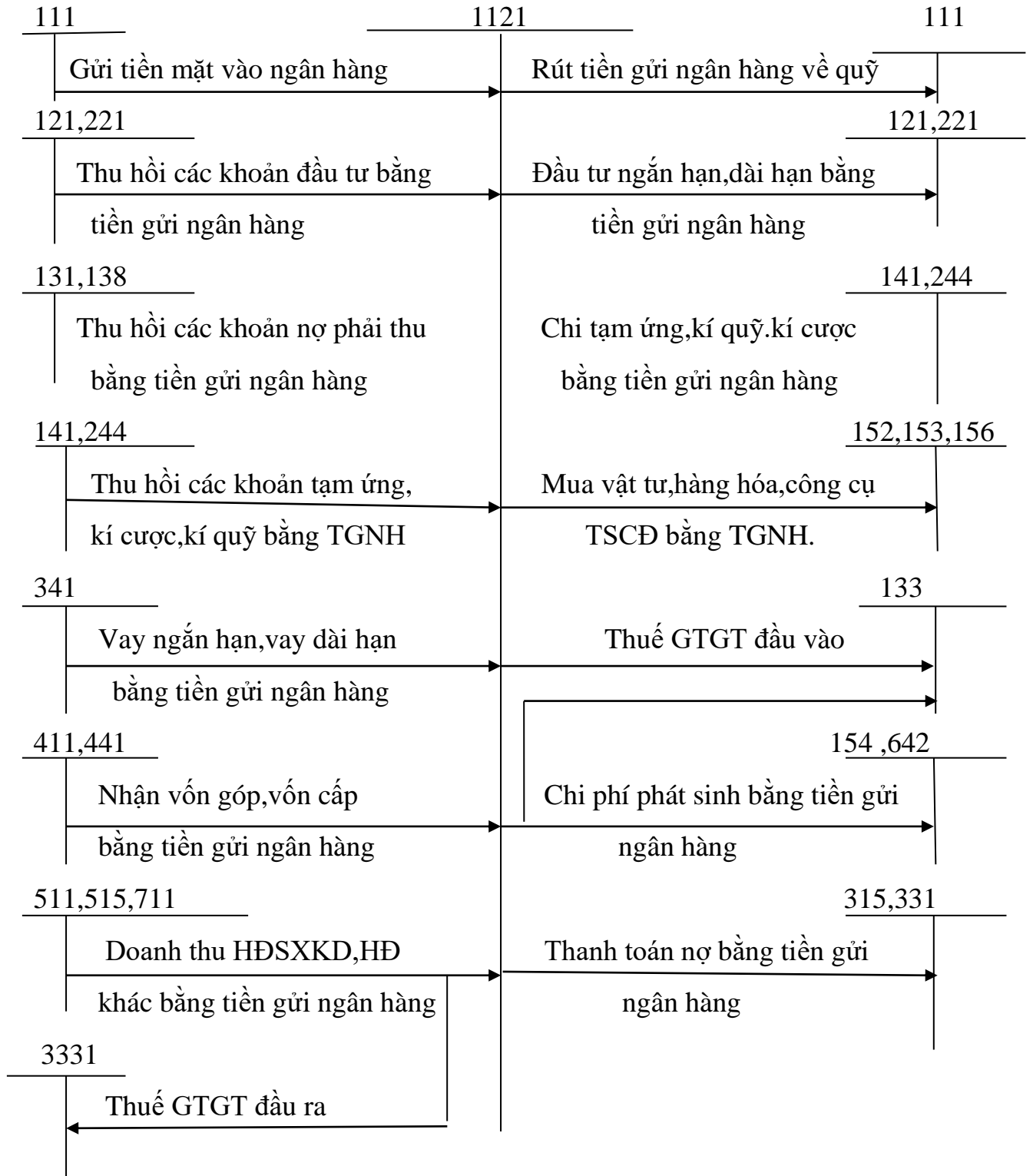
Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, chi) Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời .

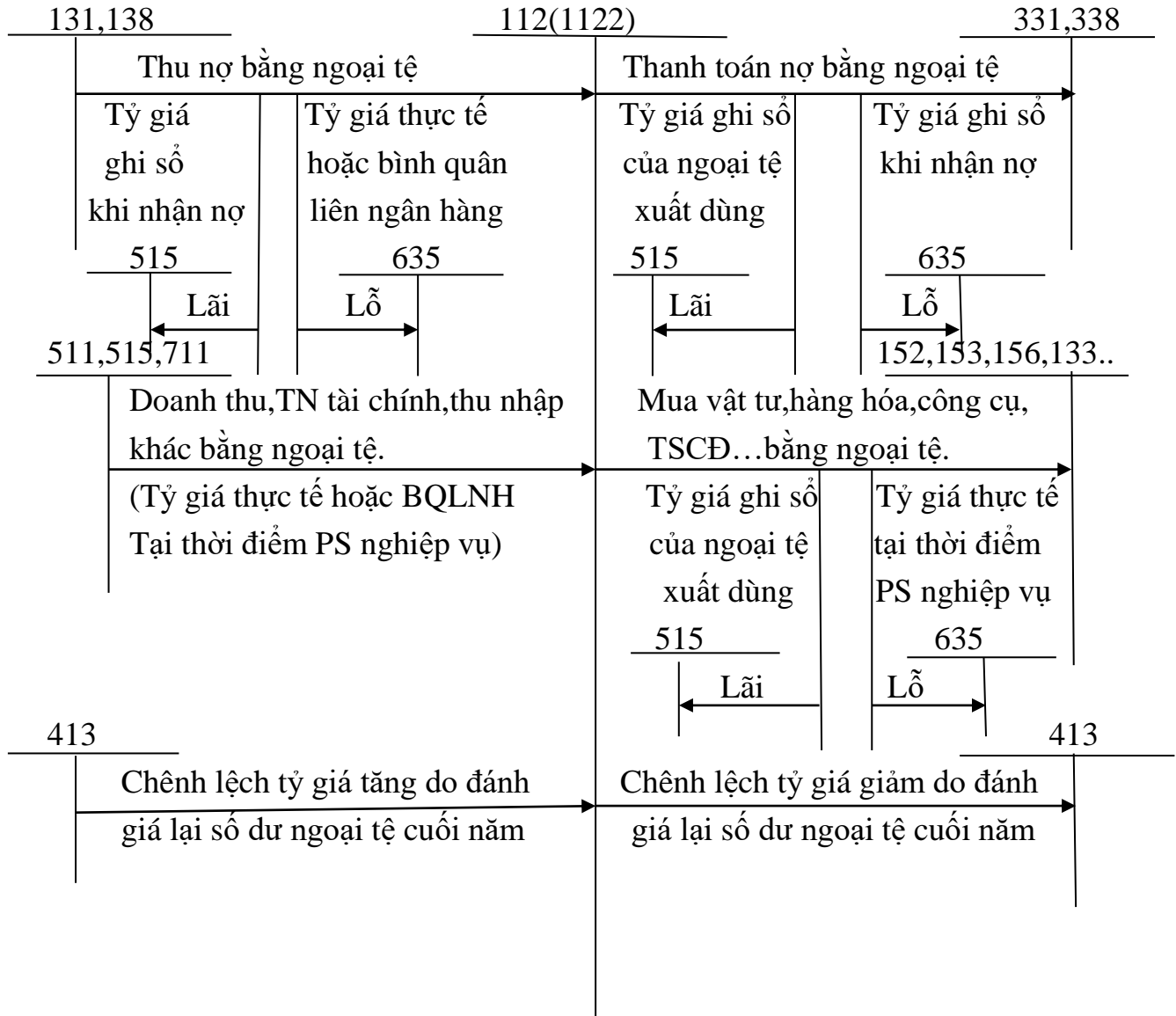
Nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Khóa luận tốt nghiệp

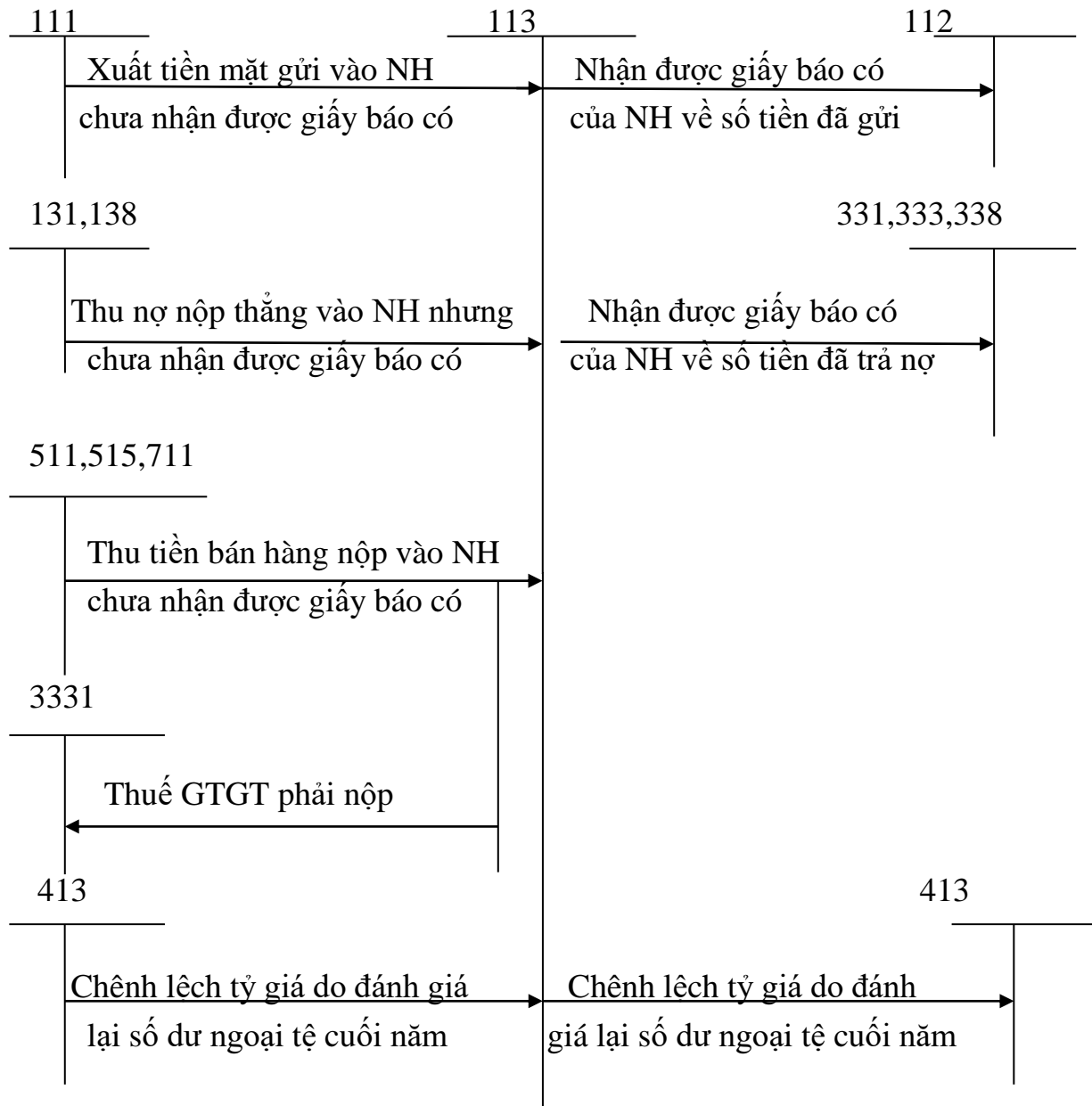
Sơ đồ kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam.



+Hạch toán tiền gửi bằng ngoại tệ



+ Hạch toán tiền đang chuyển.



1.4. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách trong tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Hiện nay theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán:

- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức nhật kí-sổ cái.
- Hình thức nhật kí chứng từ.
- Hình thức nhật kí chung
- Hình thức kế toán máy.

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp và mỗi doanh nghiệp lựa chọn hình thức ghi sổ khác nhau.

1.4.1. Chứng từ ghi sổ.

a, Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

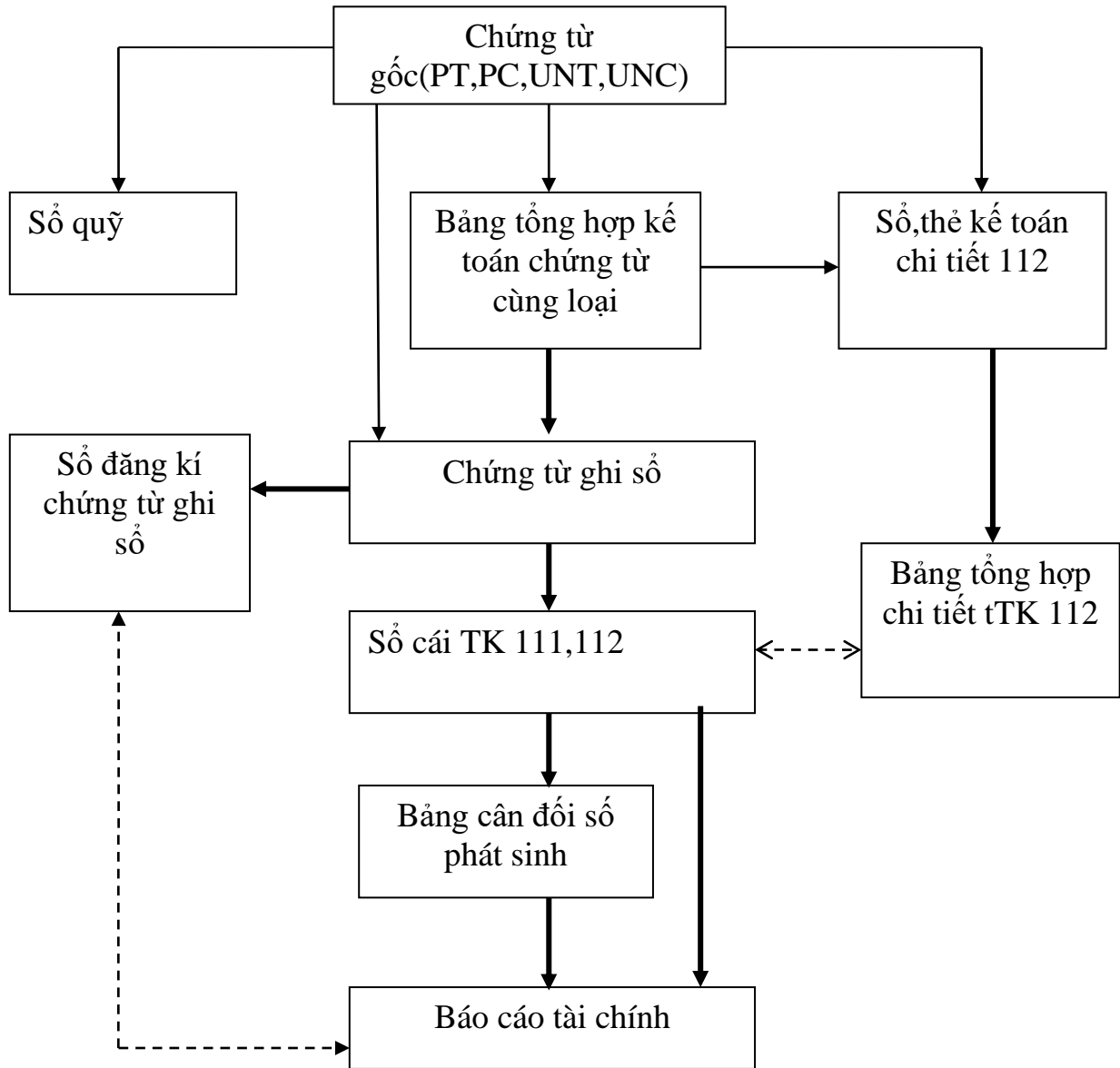
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

b, Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Chú thích :

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng —————>
- Đối chiếu, kiểm tra <----->

c, Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.4.2 Nhật ký sổ cái.

a, Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

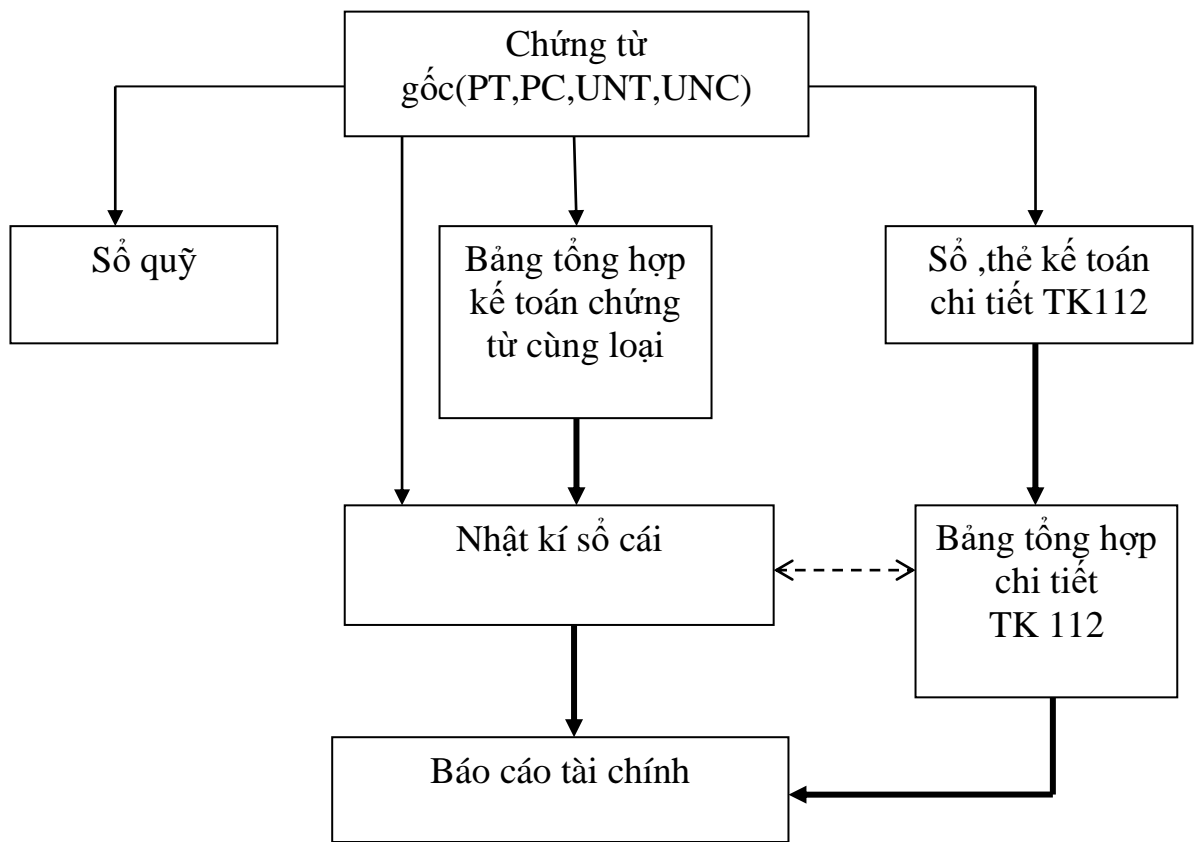
b, Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái

- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ : Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán

Ngày ký-sổ cái



Chú thích :

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

c, Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật kí-sổ cái.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái.

Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.

Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tổng số tiền "Phát sinh" ở phần Nhật Ký = Tổng số tiền phát sinh Nợ của tất cả các Tài khoản = Tổng số tiền phát sinh Có của các tài khoản

Tổng số dư Nợ các tài khoản = Tổng số dư Có các tài khoản

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng.

Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính

1.4.3. Nhật kí-chứng từ

a,Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ .

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

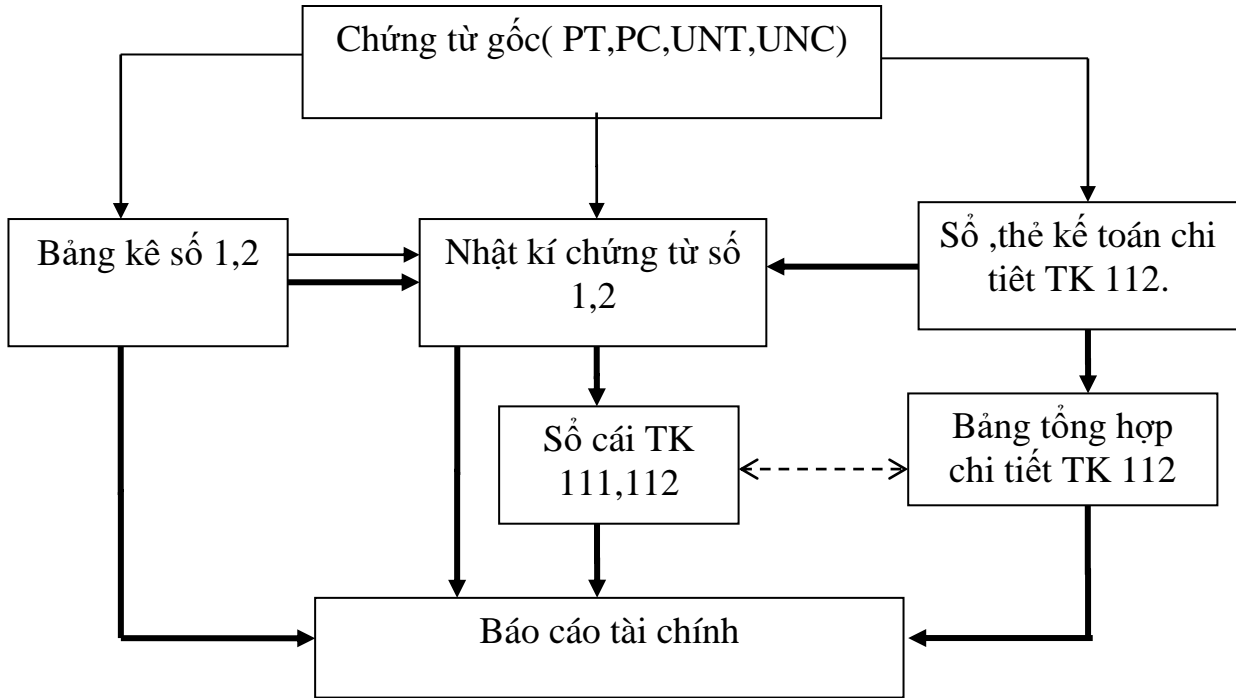
Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

b,Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ.Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ



Chú thích :

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng —————>
- Đối chiếu,kiểm tra <----->

c,Trình tự ghi sổ kế toán theo nhật ký -chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan.

Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính

1.4.3 Hình thức kế toán nhật kí chung.

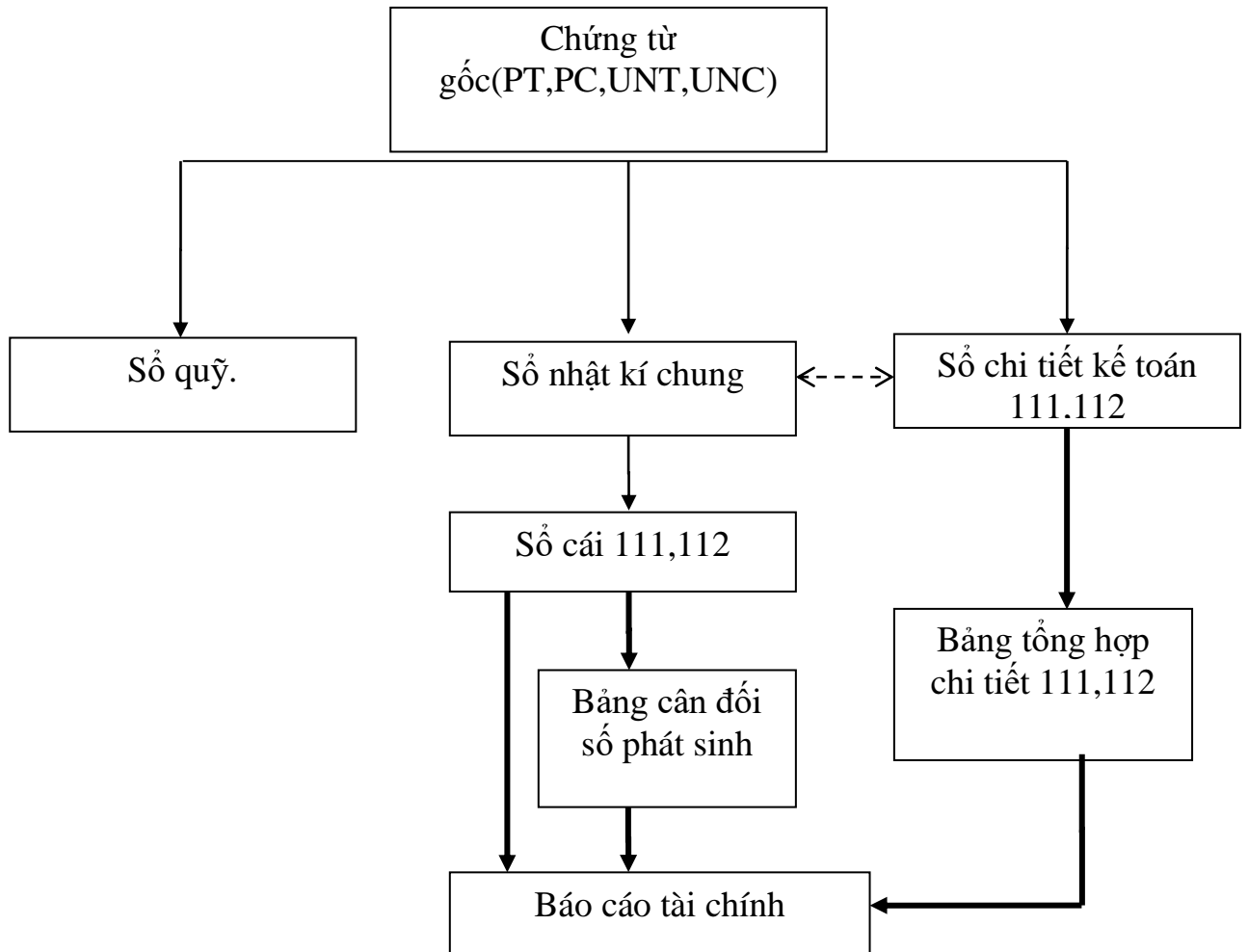
a, Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

b, Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung,
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán nhật ký chung



Chú thích: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
Ghi cuối tháng, hoặc định kì \longrightarrow
Đôi chiếu, kiểm tra $\leftarrow \text{---} \longrightarrow$

c, Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung.

Căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan.

Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính

1.4.5. Kế toán trên máy tính.

a, Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

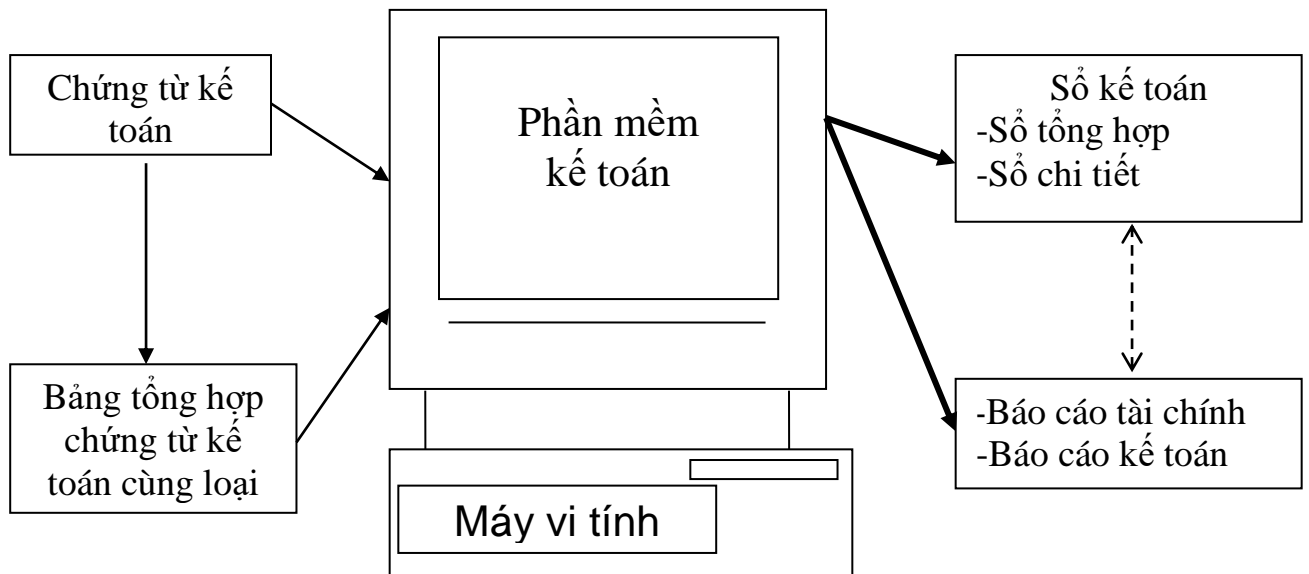
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

b, Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Chú thích:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In số, báo cáo cuối tháng, cuối năm →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

c, Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.

Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Chương 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THUẬN THIỆN PHÁT

2.1 Tổng quan công ty cổ phần nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công Ty cổ phần nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Công ty CP nuôi trồng thủy sản Thuận Thiện Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 049653 cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 1997.

- Địa chỉ trụ sở: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng
- Mã số doanh nghiệp: 0200570920
- Người đại diện: Trần Đức Hòa

Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát được thành lập năm ngày 23 tháng 07 năm 2003, thuộc sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng. Từ khi thành lập tới nay Công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng của bộ máy nhân sự

Cùng với sự phát triển chung của các doanh nghiệp trên cả nước, thành phố Hải Phòng đang dần tiến tới cổ phần lớn các doanh nghiệp hoạt động. Căn cứ vào luật doanh nghiệp số 13/1999/HQ10 ngày 12/6/ 1999. Nghị định số 02/2000/NĐ_CP ngày 02/03/2000 của Chính Phủ về đăng ký kinh doanh.

2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát chuyên kinh doanh về Các sản phẩm tôm sú giống, tôm chân trắng, tôm càng xanh. Kinh doanh, sản xuất tôm sú để xuất khẩu.....Để cung cấp tôm cho các siêu thị lớn như Coopmart, Big C, Metro, các chợ trong thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành khác nên khi nhận

Khóa luận tốt nghiệp

được đơn đặt hàng của khách hàng thì công ty luôn luôn cố gắng hoàn thành và đảm bảo cả về chất lượng và thời gian.

- Tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên.
- Chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của Nhà Nước.

Do nhu cầu kinh doanh đến ngày 12 tháng 3 năm 2004 công ty đã huy động thêm số vốn góp là :

- Đến ngày 1-7-2007 công ty lại huy động thêm vốn góp là 4.150.500.000 VNĐ. Vào thời điểm đó vốn điều lệ của công ty là 6.000.000.000 VNĐ. Từ năm 2007 đến nay công ty không có thay đổi về vốn điều lệ và nhân sự.

Tổng giám đốc điều hành: Ông Trần Đức Hòa

Lĩnh vực kinh doanh

_ Sản phẩm tôm sú giống, tôm chân trắng, tôm càng xanh. Kinh doanh, sản xuất tôm sú để xuất khẩu.....

2.1.2 Khái quát kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm gần đây:

Bảng : Khái quát kết quả kinh doanh.

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	Năm 2015 so với năm 2014	
			Chênh lệch	%
Doanh Thu	25.595.434.332	27.212.166.196	1.616.731.864	6,32
Giá vốn	25.119.817.368	26.695.664.927	1.575.847.559	6,27
LN sau thuế	8.577.848	10.366.009	1.788.161	20,85

Qua bảng số liệu trên ta thấy doanh thu của công ty tăng từ 25.595.434.332 đồng lên 27.212.166.196 đồng tức là tăng 1.616.731.864 đồng tương ứng với 6,32%. giá vốn từ 25.119.817.368 đồng tăng lên 26.695.664.927 đồng tức là tăng 1.575.847.559

đồng tương ứng với 6,27%. Lợi nhuận tăng từ 8.577.848 đồng lên 10.366.009 đồng tức là tăng 1.788.161 đồng tương ứng với 20,85%.

Các chỉ tiêu khác của công ty cũng có xu hướng biến động tích cực.

2.1.3. Một số thuận lợi, khó khăn của Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

2.1.3.1. Thuận lợi

- Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

được thành lập với đội ngũ nhân viên có năng lực, nhiệt tình có năng lực được đào tạo cơ bản, thường xuyên có những sáng kiến đóng góp trong hoạt động kinh doanh, góp phần quan trọng trong sự phát triển của công ty.

- Trụ sở chính công ty ở nơi khá thuận lợi cho giao dịch và kinh doanh, trao đổi thông tin về kinh tế thị trường, giúp công ty chủ động lựa chọn phương án kinh doanh tốt nhất, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường trong mọi tình huống.

- Có được thị trường tiềm năng, tạo được niềm tin cho khách hàng thu hút được nhiều khách hàng tiềm năng nhờ chất lượng hàng hóa.

- Có được sự ủng hộ của các cơ quan các cấp chính quyền và sự đánh giá cao của khách hàng.

- Bộ máy lãnh đạo của công ty có chuyên môn, có năng lực quản lý và điều hành.

- Công ty có một lực lượng cán bộ công nhân viên cam kết gắn bó xây dựng đơn vị, đội ngũ công nhân trẻ có tay nghề cao, năng động sáng tạo, có kinh nghiệm.

- Chiến lược kinh doanh của công ty là tận dụng, khai thác hợp lý các tiềm năng đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh, mở rộng địa hình đầu tư và sản xuất công nghiệp, với chiến lược đó những năm qua công ty đã đạt được những thành công trong lĩnh vực kinh doanh.

2.1.3.2. Khó khăn.

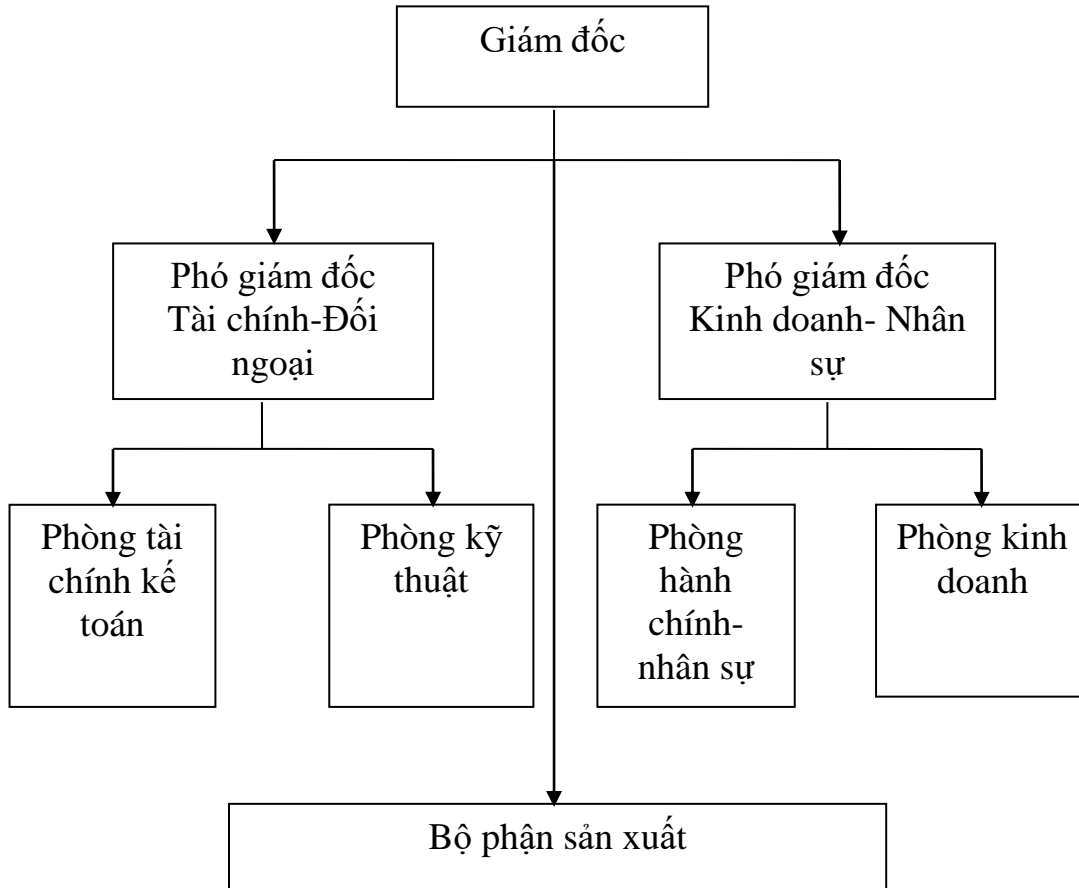
- Có nhiều sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành nghề trong cùng khu vực.

- Nguồn hàng hóa của công ty chưa ổn định phải nhập với giá thành cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

-Vẫn chưa áp dụng nhiều kỹ thuật hiện đại vẫn chủ yếu áp dụng kỹ thuật thủ công nên còn tốn sức người và thời gian.

2.1.4 Tổ chức kế toán tại doanh nghiệp.

Sơ đồ Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát



2.1.4.1. Phòng tài chính - kế toán

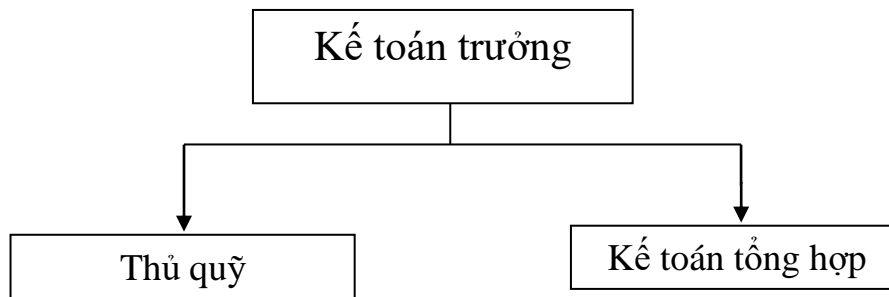
a. Chức năng

- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê; Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của công ty.

- Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo kế hoạch; Bảo toàn và phát triển vốn của công ty và các cổ đông.

Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa nên bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ như sơ đồ:

Sơ đồ Bộ máy kế toán tại công ty :



(Phòng tài chính –kế toán Công ty CP nuôi trồng thủy sản Thuận Thiện Phát)

b, Nhiệm vụ

- Giúp Giám đốc về công tác kế toán thống kê, thông tin kinh tế, các hoạt động liên quan đến quản lý tài chính.

- Xây dựng trình Giám đốc quy chế quản lý quản lý tài chính của công ty, đơn đốc kiểm tra việc thực hiện quy chế, đồng thời xây dựng kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm của công ty phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của công ty.

- Tổ chức hạch toán, thống kê kế toán, phản ánh chính xác, đầy đủ các số liệu, tình hình luân chuyển các loại vốn trong sản xuất kinh doanh của công ty.

- Nghiên cứu và phối hợp với các phòng nghiệp vụ khác để tập hợp, xây dựng các đơn giá nội bộ về xây lắp, các loại hình sản xuất kinh doanh khác của công ty; xác lập các phương án giá cả, dự thảo các quyết định về giá cả.

- Chủ trì trong việc thực hiện định kỳ công tác báo cáo tài chính, kiểm kê, đánh giá tài sản trong công ty, kiến nghị thanh lý tài sản vật tư tồn đọng, kém chất lượng, không có nhu cầu sử dụng.

- Đề nghị lãnh đạo công ty: Khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, nâng bậc và các quyền lợi khác đối với tập thể và các cá nhân thuộc phòng quản lý.

2.1.4.2 Phòng xuất nhập khẩu

Chức năng và nhiệm vụ

- Quản lý điều hành các công việc thuộc lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu của công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các phương án chào hàng đạt hiệu quả cao. Tổ chức công tác quản lý, ký kết hợp đồng

- Xây dựng các đề án, các công trình dịch vụ phục vụ cho hoạt động xuất khẩu của công ty như: Cửa hàng, kho lưu trữ hàng hóa, vận chuyển hàng hóa, v.v...

- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ và các đơn vị kinh doanh dịch vụ trực thuộc quản lý theo dõi thực hiện các hợp đồng kinh tế cho đến khi hoàn thành việc thanh lý hợp đồng đã ký kết theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.1.4.3. Phòng hành chính - nhân sự

a, Chức năng

Phòng Hành chính - Nhân sự là phòng tham mưu, giúp việc cho giám đốc về công tác tổ chức, nhân sự, hành chính, pháp chế, của công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc về các hoạt động đó trong nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

b, Nhiệm vụ:

- Xây dựng cơ cấu, tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận để Tổng giám đốc phê duyệt.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực của toàn công ty, ngân sách liên quan đến chi phí lao động (quỹ lương, chi phí đào tạo, chi phí đóng BHXH, BHYT, chi phí đồng phục,...).

- Xây dựng kế hoạch nhân sự hàng năm (định biên, cơ cấu chức danh, vị trí công việc, kế hoạch quy hoạch & bổ nhiệm hàng năm, kế hoạch luân chuyển, điều chuyển).

- Xây dựng quy chế và thực hiện công tác văn thư, lưu trữ và quản lý hồ sơ pháp lý của công ty.

- Đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính pháp lý về việc cấp mới/sửa đổi/bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký kinh doanh và các việc liên quan đến bầu, miễn nhiệm, bổ nhiệm, các thành viên ban giám đốc, Tổng giám đốc của công ty. Soạn thảo các văn bản hành chính như lịch công tác tuần, đặt lịch họp, lịch làm việc...

2.1.4.4 Phòng kinh doanh

a, Chức năng

- Nghiên cứu thị trường, chủ động tìm nguồn hàng mở rộng giao dịch, phối hợp các phòng ban để xem xét các phương thức thanh toán về hoạt động mua bán, xuất nhập, tổ chức tiếp thị cung cấp thông tin tham mưu cho giám đốc về chính sách, chủ trương kinh tế về hiệu quả của từng hoạt động nhu cầu hàng hóa trên thị trường.

b, Nhiệm vụ

- Xây dựng chiến lược phát triển khách hàng.
- Xây dựng qui trình làm việc theo quy trình chung của công ty.
- Lập danh sách khách hàng mục tiêu.
- Lập kế hoạch tiếp xúc khách hàng hàng tháng trình Giám đốc.
- Lập các hợp đồng dịch vụ bảo vệ với khách hàng.
- Đề xuất cơ chế giá hợp lý đối với từng loại khách cụ thể.
- Các hợp đồng chưa có sự thống nhất thực hiện về phương án bảo vệ phòng kinh doanh sẽ thuyết trình trước ban lãnh đạo công ty.

- Trả lời giải đáp thắc mắc từ phía khách hàng.
- Chăm sóc khách hàng để duy trì và phát triển các hợp đồng dịch vụ đã ký.

2.1.4.5. Bộ phận sản xuất

a, Chức năng

Là bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của công ty coa chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp việc Giám đốc công ty trên lĩnh vực công tác.

- Quản lý và xây dựng kế hoạch SXKD trong công ty theo định hướng phát triển của Công ty CP nuôi trồng thủy sản Thuận Thiện Phát

- Công tác thị trường và ký kết hợp đồng kinh tế các loại hợp đồng mua bán các loại vật tư thiết bị, hàng hóa, tôm giống, v.v. Khi có ủy quyền của công ty CP nuôi trồng thủy sản Thuận Thiện Phát.

- Công tác điều độ sản xuất, công tác thông kê kế hoạch SXKD, công tác quản lý mua sắm các loại thiết bị vật tư phục vụ cho SXKD, công tác quản trị chi phí sản xuất.

- Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm tại công ty.

b, Nhiệm vụ

- Phối hợp các phòng ban, đơn vị trong công ty xây dựng tổng hợp kế hoạch SXKD hàng năm của công ty.

- Tổ chức hướng dẫn các đơn vị trong công ty xây dựng kế hoạch hàng năm và kế hoạch dài hạn.

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý vật tư, NVL theo quy định của nhà nước.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất của các đơn vị trên cơ sở lệnh sản xuất đã được Giám đốc Công ty giao.

- Công tác điều độ sản xuất kinh doanh, cung ứng VL của Công ty phải đảm bảo hợp lý, khoa học, chủ động, đảm bảo tính năng động mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tổ chức mua sắm vật tư – hàng hóa theo kế hoạch, thời gian, quy định đã lập được Giám đốc Công ty phê duyệt để phục vụ sản xuất kịp thời, đảm bảo chất

lượng hàng hóa đáp ứng nhu cầu sản xuất. Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, vật tư mua nhập kho.

- Trực tiếp kiểm tra, khảo sát cung cấp hồ sơ về giá cả vật tư, thị trường trình Hội đồng giá xem xét quyết định

- Là thành viên Hội đồng giá và một số Hội đồng khác được Giám đốc phân công. Trực tiếp tham gia tính giá thành sản phẩm sản xuất, định mức sản xuất.

- Là đầu mối (thường trực) công tác khoán các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chi phí cho các đơn vị. Lập phương án khoán chi phí trình duyệt và tổ chức giám sát, nghiệm thu công tác khoán.

- Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 trong toàn Công ty.

2.1.5. Chế độ và các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quyết định số 48/2006/QĐ –BTC của bộ tài chính ban hành ngày 14/09/2006, kèm theo thông tư hướng dẫn và nghị định ban hành của chính phủ. Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung .

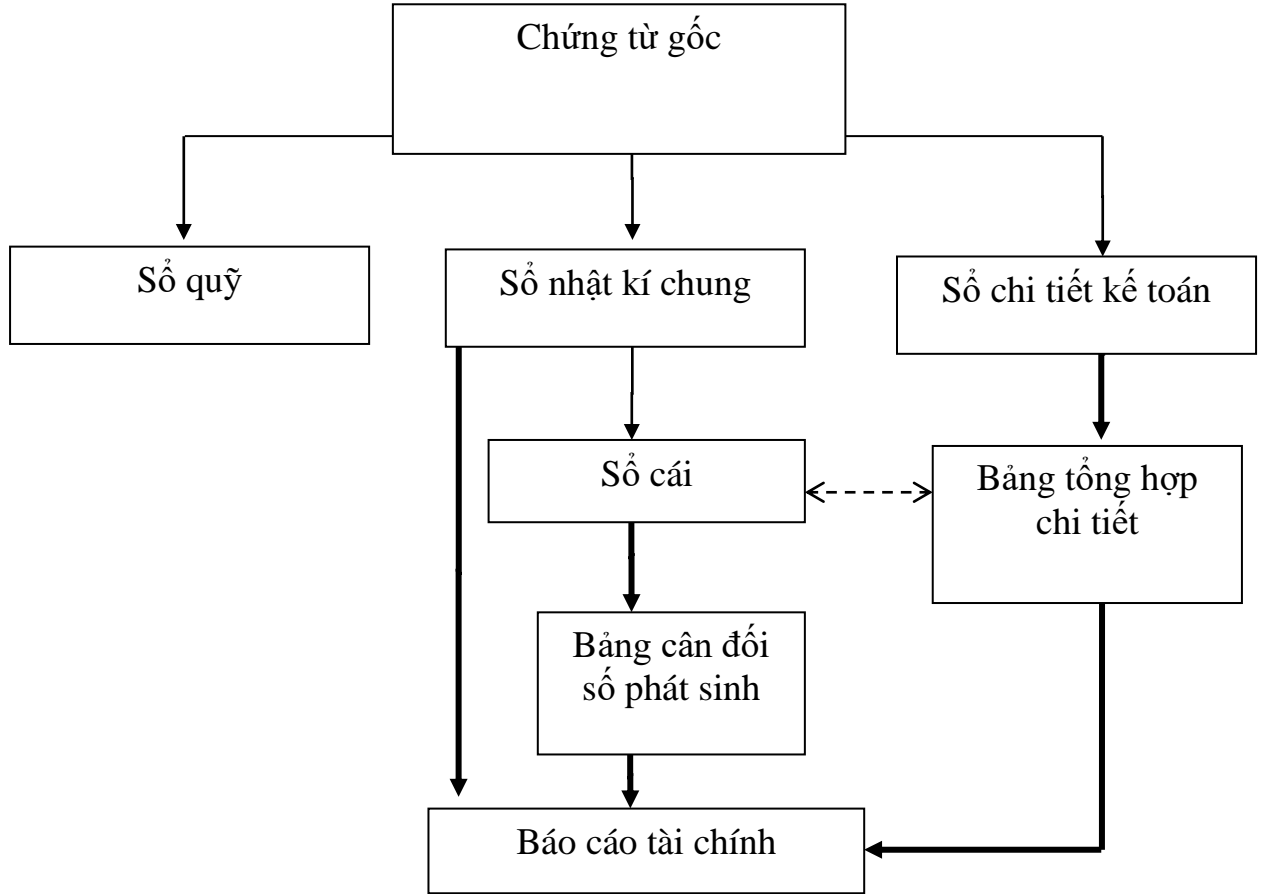
- Niên độ kế toán của công ty tính theo năm dương lịch bắt đầu từ 01/01/N đến 31/12/N.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng

Hạch toán Hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Nhập trước – xuất trước.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Sơ đồ quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức nhật ký chung của Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát



Chú thích: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
Ghi cuối tháng, hoặc định kì \longrightarrow
Đối chiếu, kiểm tra $\leftarrow - - - \rightarrow$

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Vốn bằng tiền là một bộ phận vốn lưu động trong doanh nghiệp là lượng tài sản tồn tại trực tiếp dưới hình thái giá trị. Vốn bằng tiền được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ. Tại Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

vốn bằng tiền bao gồm: Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí.

2.2.1 Kế toán tiền mặt tại Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Tiền mặt là số vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản an toàn trong két sắt của công ty phục vụ cho việc chi tiêu hàng ngày cũng như thuận lợi cho việc thanh toán giao dịch của công ty.

Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt tại công ty do thủ quỹ chịu trách nhiệm, thủ quỹ không được nhờ người làm thay mình, không được kiêm nhiệm công tác kế toán, mua bán vật tư hàng hóa để đảm bảo tính chính xác, trung thực và khách quan.

Thủ quỹ được phép xuất tiền ra khỏi quỹ khi có đầy đủ các chứng từ hợp lệ. Hiện tại trong những năm gần đây công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ.

Hàng ngày căn cứ vào việc mua bán hàng, các khoản tạm ứng, phiếu thu, phiếu chi ... kế toán tiền hành lập nên các chứng từ để làm căn cứ cho việc thu, mua, chi tiền trong công ty và để đối chiếu số tiền thật có trong công ty để tránh việc thất thoát tiền của công ty.

Khi có chứng từ gốc kế toán và thủ quỹ tiến hành ghi dữ liệu vào sổ quỹ tiền mặt.

Sổ quỹ tiền mặt được đóng từng quyển vào cuối tháng, mở để theo dõi tồn quỹ đầu tháng, phát sinh trong tháng và tồn quỹ cuối tháng.

Sau đó kế toán từ sổ quỹ tổng hợp dữ liệu ghi vào sổ nhật ký chung các nghiệp vụ tăng giảm tiền mặt theo trình tự kinh tế phát sinh và theo nội dung từng nghiệp vụ cho phù hợp.

Trên cơ sở nhật ký chung kế toán tiếp tục ghi vào sổ cái TK 111 lần lượt theo các nghiệp vụ phát sinh trên sổ nhật ký chung.

Cuối quý căn cứ vào số liệu tổng cộng trên sổ cái TK 111 lập bảng cân đối số phát sinh và lập bảng cân đối kế toán.

2.2.1.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- ✓ Chứng từ:
 - Phiếu thu (Mã số 01 - TT)
 - Phiếu chi (Mã số 02 - TT)
 - Giấy đề nghị tạm ứng (Mã số 03 - TT)
 - Giấy thanh toán tạm ứng (Mã số 04 - TT)
 - Giấy đề nghị thanh toán (Mã số 05 - TT)
- ✓ Sổ sách sử dụng:
 - Sổ quỹ tiền mặt (Mẫu số S07 – DNN)
 - Sổ nhật kí chung (Mẫu số S03a – DNN)
 - Sổ cái TK 111 (Mẫu số S03b – DNN)

Phiếu chi được kèm với HD GTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

Phiếu thu được kèm với HD GTGT (Liên 3: Nội bộ)

Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển và được đánh số từng quyển theo thứ tự từ trang 1 đến trang n trong 1 năm.

Số phiếu thu, phiếu chi cũng được đánh thứ tự từ số 01 đến số n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên, có đầy đủ chữ kí của người thu, người nhận, người cho phép nhập, xuất quỹ, riêng phiếu chi phải có chữ kí của thủ trưởng đơn vị.

Một liên lưu lại nơi lập phiếu, các liên còn lại phải chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền. Sau khi thu hoặc chi tiền thủ quỹ phải đóng dấu “ đã thu ” hoặc “ đã chi ” và kí tên vào phiếu thu, phiếu chi, thủ quỹ giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp hoặc người nhận tiền.

Cuối mỗi ngày căn cứ vào các chứng từ để ghi vào sổ quỹ.

Khóa luận tốt nghiệp

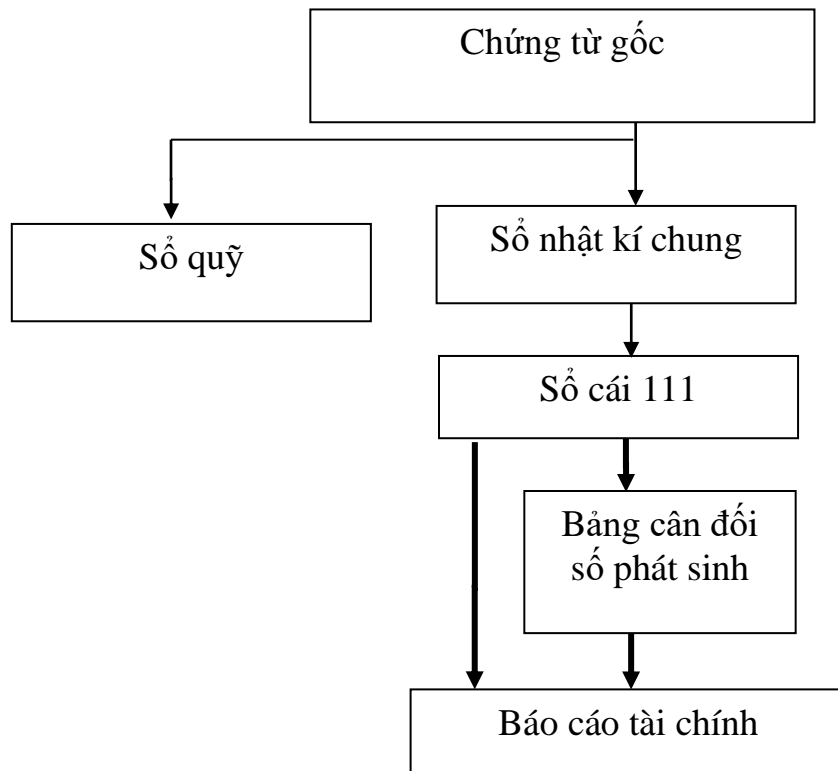
Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ. Nếu chênh lệch thủ quỹ và kế toán phải tự kiểm tra, xác định lại và có biện pháp xử lý.

✓ Tài khoản sử dụng:

Tại quỹ của Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

chỉ gồm một loại tiền duy nhất là tiền Việt Nam đồng không có ngoại tệ và vàng bạc, đá quý, nên công ty chỉ sử dụng một tài khoản duy nhất để hạch toán là TK 111: Tiền mặt và được chi tiết thành TK 1111: tiền mặt tại quỹ.

2.2.1.2. Quy trình hạch toán kế toán tiền mặt tại Công ty cổ phần Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát



Chú thích: Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng, hoặc định kì →

Đối chiếu, kiểm tra ← - - - - →

Khi có nghiệp vụ thu, chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn bán hàng, mua hàng, hóa đơn GTGT để lập phiếu thu, phiếu chi.

Sau đó phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ.

Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật kí chung, sổ cái tiền mặt.

Cuối mỗi quý, căn cứ vào sổ cái để kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và cân đối kế toán.

2.2.1.3 Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại công ty.

2.2.1.3.1 Kế toán tăng tiền mặt tại quỹ.

VD1: Ngày 02/05/2015 bán 40 kg tôm sú thịt cho Công ty CP Thương Mại quốc tế và dịch vụ đại siêu thị Big C Hải Phòng tổng tiền thanh toán là 14.800.000, VAT 10%. Đã thanh toán bằng tiền mặt

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Cty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Địa chỉ: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, NQ, HP

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14 /09/2006 của Bộ trưởng BTC)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 02 tháng 05 năm 2015

Mẫusố:01GTKT3/001

Ký hiệu:AA/14P

Số:0000234

Đơn vị bán hàng :Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Địa chỉ: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Điện thoại: 0313722515 Mã số thuế: 0200570920

Tài khoản.....tại.....

Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Nhi

Tên đơn vị cho... Công ty CP Thương Mại quốc tế và dịch vụ đại siêu thị Big C Hải Phòng

Địa chỉ: A1/22 Lê Hồng Phong ,Đông Khê ,Ngô Quyền,Hải Phòng.

Số tài khoản.....

Hình thức thanh toán : Tiền mặt . Mã số thuế: 0201269635

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Tôn sú thịt	Kg	40	370.000	14.800.000

Cộng tiền hàng: 14.800.000

Tiền thuế GTGT (10%) 1.480.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 16.280.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./

Ngày 02 tháng 05 năm 2015.

Người mua hàng

(kí,đóng dấu,ghi rõ họ tên)

Người bán

Từ HĐ GTGT số 0000232 kế toán tiến hành ghi phiếu thu số 15/06.

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty CP Thương Mại quốc tế và dịch vụ đại siêu thị Big C Hải Phòng

Địa chỉ: A1/22 Lê Hồng Phong, Đông Khê Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 05 năm 2015

Quyển số: 06/13

Nợ: 111

Có: 511

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền: Phạm Văn Nhi.

Địa chỉ: 89 An Đà, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Lý do nộp : thanh toán tiền hàng

Số tiền: 16.280.000 (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./

Ngày 02 tháng 05 năm 2015.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) : Mười sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./

VD2 : Ngày 08/05 rút TGNH Vietcombank CNHP về nhập quỹ. Số tiền: 150.000.000.

Kế toán trưởng ký, giám đốc ký và đóng dấu vào chi séc một nhân viên mang theo giấy giới thiệu và CMT và đem chi séc đến ngân hàng rút tiền. Ngân hàng sẽ gửi lại giấy báo nợ (Tiền được rút ra 150.000.000) về cho công ty.

Ngân hàng Vietcombank Hải Phòng
Chi nhánh:Hải Phòng

Mã GDV:NGUYEN THI VAN
Mã KH: 0312
Số GD : 112

Giấy báo nợ

Ngày 08-05-2015

Kính gửi:Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Mã số thuế: 0201269635

Hôm nay,chúng tôi xin thông báo đang ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ :102010000201065

Số tiền bằng số: 150.000.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn./

Nội dung: Chuyển tiền về nhập quỹ

Giao dịch viên

Kiểm soát

Khi tiền về thủ quỹ tiến hành ghi phiếu thu số 06/13.

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty CP nuôi trồng thủy sản Thuận
Thiện Phát

Địa chỉ: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê,
Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 08 tháng 05 năm 2015

Quyển số: 06/05

Nợ: 111

Có: 112

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Thủy

Địa chỉ: công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Lý do nộp: rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ.

Số tiền: 150.000.000 (Viết bằng chữ): Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn./

Ngày 08 tháng 05 năm 2016

Giám đốc

*(Ký, họ tên,
đóng dấu)*

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

2.2.1.3.2 Nghiệp vụ phát sinh làm giảm tiền mặt.

VD3: Ngày 10/05/2015 mua 80 kg tôm sú thịt của công ty thủy sản xuất khẩu Hạ Long với giá 190.000đ/kg (VAT 10%). Thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Từ hóa đơn GTGT số 0000234 do công ty Thủy sản xuất khẩu Hạ Long ghi, thủ quỹ tiến hành ghi phiếu chi để thanh toán tiền hàng cho công ty thủy sản xuất khẩu Hạ Long.

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Cty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Địa chỉ: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, NQ, HP

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14 /09/2006 của Bộ trưởng BTC)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 10 tháng 05 năm 2015

Mẫusố:01GTKT3/001

Ký hiệu:AA/14P

Số:0000234

Đơn vị bán hàng: Công ty xuất khẩu thủy sản Hạ Long

Địa chỉ: Số 13 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200125278

Số tài khoản:

Họ và tên người mua: Phạm Thị Vy

Tên đơn vị: Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

MST: 0200570920

Địa chỉ: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tôm sú thịt	kg	80	190.000	15.200.000
Cộng thành tiền					15.200.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					152.000
Tổng cộng tiền thanh toán					15.352.000
Bằng chữ: Mười lăm triệu ba trăm lăm mươi hai nghìn đồng chẵn ./					

Ngày 10 tháng 05 năm 2015.

Người mua hàng

Người bán hàng

(kí,đóng dấu,ghi rõ họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận
Thiện Phát

Bộ phận: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê,
Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 10 tháng 05 năm 2015

Quyên số: 04

Nợ: 156

Nợ :133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Trần Phương Thảo

Địa chỉ: Công ty xuất khẩu thủy sản Hạ Long

Lý do chi: trả tiền hàng

Số tiền: 15.352.000 (Viết bằng chữ) : Mười lăm triệu ba trăm lăm mươi hai nghìn đồng chẵn ./

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng	trưởng	(Ký, họ tên)	phiếu	tiền
dấu)	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

VD4: Ngày 13/5/2015 Thanh toán tiền điện thoại bằng tiền mặt. Số tiền chưa thuế là 1.235.677 (VAT 10%).

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Mẫu số 01 GTKT -2LN-03 VT01 TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Ký hiệu (Serial No): AA/2015T

Liên 2: Giao cho khách hàng (Customer) Số (No) : 00235

Mã số: 0200287977- 022

TT Dịch vụ Khách hàng – FPT – số 186 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Tên Khách hàng (Customer's name) : Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

MST : 0200570920

Địa chỉ (Address: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Số điện thoại (Tel) : 0313 722 515

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM.

Dịch vụ sử dụng (Kind of service)	Thành tiền (Amount VNĐ)
Cước dịch vụ viễn thông tháng 05 năm 2014.	1.235.677
Cộng tiền dịch vụ (total) (1):	1.235.677
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 % x (1) = Tiền thuế GTGT (Vat amount)	123.567
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)	1.359.244
Số tiền viết bằng chữ (in word): Một triệu ba trăm năm chín nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng./	
Ngày 13 tháng 05 năm 2015	
Người nộp tiền ký (Signature of payer)	Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)

Từ HĐ dịch vụ viễn thông số : 0000235 thủ quỹ tiến hành ghi phiếu chi để thanh viễn thông

Quyển số: 04

Nợ: 642

Nợ: 133

Có: 111

PHIẾU CHI

Ngày 13 tháng 05 năm 2015

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Quang

Địa chỉ: TTDV khách hàng số 186 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 5

Số tiền: 1.359.244 (Viết bằng chữ) : Một triệu ba trăm năm chín nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng./

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Từ các HĐ GTGT,GBN,GBC,PT,PC... kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung,sổ cái các tài khoản liên quan.

Đồng thời thủ quỹ cũng tiến hành ghi sổ quỹ tiền mặt và so sánh đối chiếu giữa thực tế và số liệu đã ghi.

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị : CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận

Mẫu số S03a - DNN

Thiên Phát

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

Địa chỉ : Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê,

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Sổ Nhật kí chung

Năm 2015

CT		Diễn Giải	Đã Ghi Sc	STT dòng	Tk Đối ứng	Số tiền	
SH	NT					Nợ	Có
						
HD 00002 32	02/5	Bán 40kg tôm sú cho CTy đại siêu thị BigC-HP,TT bằng TM			111 511 3331 632 156	16.280.000 12.000.000	14.800.000 1.480.000 12.000.000
	
GBN 06	08/5	Rút TGNH về nhập quỹ			111 112	150.000.000	150.000.000
	
HD 00002 34	10/5	Mua 80kg tôm sú Cty Hạ Long,TT bằng TM			156 133 111	15.200.000 152.000	15.325.000
	
PC 04	13/5	Thanh toán tiền điện thoại			642 133 111	1.235.677 123.567	1.359.244
	
		Cộng				70.994.986.165	70.994.986.165

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã kí)

(Đã kí)

(Đã kí,Đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị : Công ty CP Nuôi trồng Thủy
Sản Thuận Thiện
Địa chỉ : Số 219 Cụm 3 Phường Đông
Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái

TK 111

Tháng 5 năm 2015

CT		Diễn Giải	Tk Đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu tháng</u>		<u>245.120.000</u>	
				
HĐ 0000232	02/5	Bán 40kg tôm sú cho BigC-HP	511 3331	14.800.000 1.480.000	
	
GBN 06	08/5	Rút TGNH về nhập quỹ	112	150.000.000	
	
HĐ 0000234	10/5	Mua 80kg tôm sú của Hạ Long	156 133	15.200.000 152.000	
	
PC 04	13/5	Thanh toán tiền điện thoại	642 133		1.235.677 123.567
	
		Cộng phát sinh		586.000.000	287.986.500
		<u>Số dư cuối kì</u>		<u>543.133.500</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người ghi sổ
(Đã kí)

Kế toán trưởng
(Đã kí)

Giám đốc
(Đã kí,Đóngdấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Sổ quỹ tiền mặt

Tháng 5 năm 2015

NT	CT		Diễn Giải	Thu	Chi	Số tồn
	Thu	Chi				
			<u>Số dư đầu tháng</u>			<u>245.120.000</u>
					
02/5	HĐ 0000232		Bán tôm sú cho Cty BigC- HP	14.800.000 1.480.000		
				
08/5	GBN 06		Rút TGNH về nhập quỹ	150.000.000		
				
10/5		PC06	Mua tôm sú của Hạ Long		15.200.000 152.000	
				
13/5		PC04	Thanh toán tiền điện thoại		1.359.244	
		
			Cộng	678.584.000	705.221.254	
			<u>Số dư cuối tháng</u>			<u>543.133.500</u>

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người ghi sổ
(Đã kí)

Kế toán trưởng
(Đã kí)

Giám đốc
(Đã kí, Đóng dấu)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát.

Trong một công ty ngoài các hoạt động giao dịch sử dụng tiền mặt thì hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò rất quan trọng và diễn ra thường xuyên, thanh toán bằng tiền gửi rất đa dạng hóa về hình thức, thuận lợi với việc lưu chuyển tiền tệ.

Với các khoản giao dịch trên 20.000.000 cần thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Khi cần sử dụng đoạn nghiệp phải làm thủ tục để rút tiền hoặc chuyển tiền tại ngân hàng hoặc các điểm giao dịch của ngân hàng liên quan.

Hiện tại công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát thực hiện giao dịch với 1 Ngân hàng :

-Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng.

Trong kế toán tiền gửi ngân hàng khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì kế toán tiền gửi ngân hàng của đơn vị phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

2.2.2.1 Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng.

➤ Tài khoản sử dụng:

Công ty sử dụng tài khoản 112 “ Tiền gửi ngân hàng”(chi tiết TK 1121 – Tiền gửi Việt Nam) để hạch toán.

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động của các loại tiền của đơn vị tại Ngân hàng.

Công ty không phát sinh hoạt động về tiền ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

➤ Chứng từ sử dụng:

-Giấy báo nợ

-Giấy báo có

-Ủy nhiệm thu

-Ủy nhiệm chi

-Giấy nộp tiền...

-Séc

- Sổ phụ

- Giấy báo nợ là thông báo của ngân hàng ghi giảm tài khoản tiền gửi.
- Sổ phụ: Bản thông báo chi tiết về tiền gửi tại ngân hàng của doanh nghiệp.
- Ủy nhiệm chi do kế toán công ty lập sau đó giao cho đơn vị Ngân hàng. Ủy nhiệm chi được ghi thành 3 liên:

Liên 1 : Lưu

Liên 2: Giao cho ngân hàng.

Liên 3: Giữ lại ghi sổ kế toán.

➤ Sổ sách sử dụng:

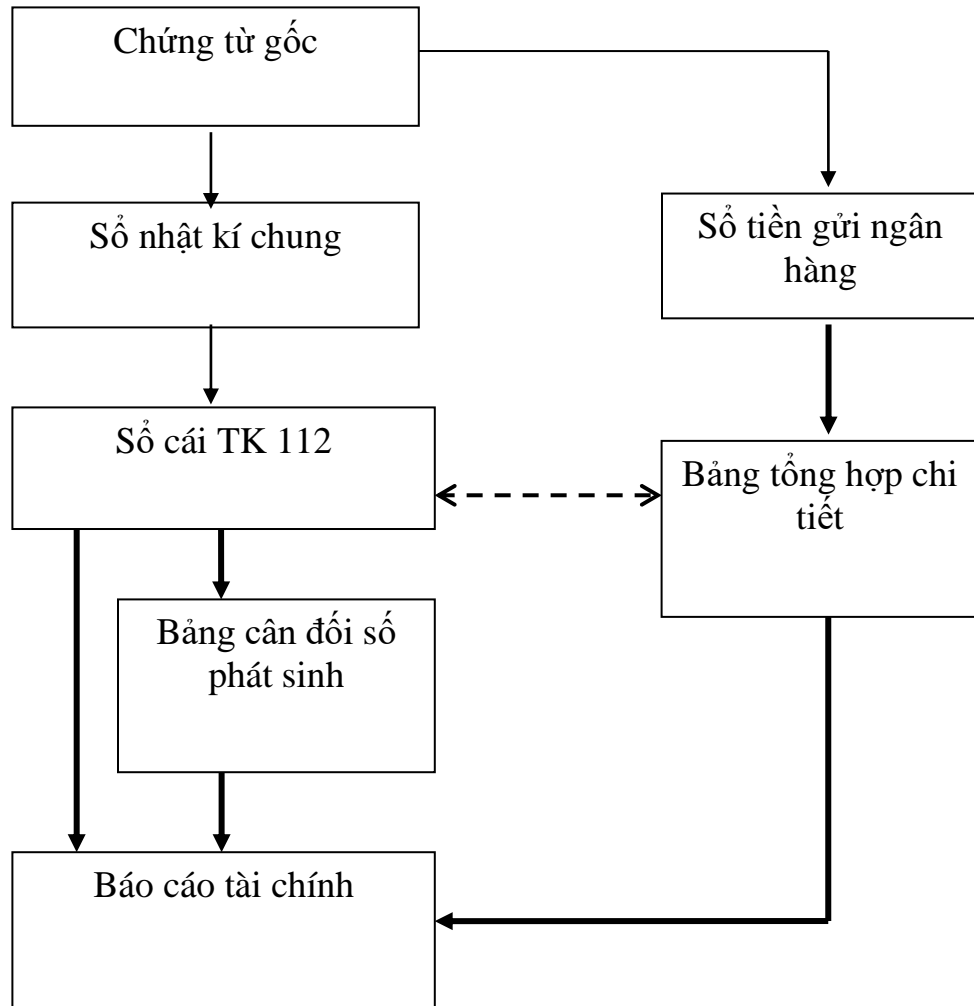
-Sổ nhật kí chung

(Mẫu số S03a- DNN)

-Sổ cái TK 112

(Mẫu số S03b- DNN)

2.2.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi tại công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kì \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, sổ phụ,... kế toán tiến hành ghi sổ tiền gửi ngân hàng và sổ nhật kí chung.

Từ nhật kí chung tiếp tục ghi sổ cái TK 112.Đồng thời từ sổ tiền gửi ngân hàng kế toán ghi bảng tổng hợp chi tiết tk 112.

Đối chiếu so sánh giữa sổ cái Tk 112 và bảng tổng hợp 112 để kiểm tra.Cuối cùng lập bảng cân đối số phát sinh và trên cơ sở đó lập báo cáo tài chính.

2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty CP nuôi trồng thủy sản Thuận Thiện Phát

2.2.2.3.1 Một số nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng.

VD5 : Ngày 17/5/2015 Doanh nghiệp bán 1500kg tôm sú thịt cho công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Ngọc Hà số tiền : 562.500.000đ ,đã thanh toán bằng CK

Chứng từ sử dụng: HDGTGT 0000235, Giấy báo có 051 ngày 17/5

Từ HĐ GTGT 0000235

Khóa luận tốt nghiệp

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: nội bộ

Ngày 17 tháng 05 năm 2015

Mã số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/14P

Số: 0000235

Đơn vị bán hàng: **Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát**

Địa chỉ: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Điện thoại 0313.722.525 MST: 0200570920

Họ và tên người mua: Đào Tiến Dũng

Tên đơn vị: **Công ty TNHH thương mại XNK Ngọc Hà**

Địa chỉ: số 10 tổ An Trì 1, Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng.

Số tài khoản: 011208565623

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MST: 0201258376

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	tôm sú	Kg	1500	375.000	562.500.000
Cộng thành tiền:					562.500.000
Thuế suất thuế GTGT :10%					56.250.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					618.750.000
Bằng chữ: Sáu trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng				Ngày 17 tháng 05 năm 2015	
				Người bán hàng	
				(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Khóa luận tốt nghiệp

Ủy nhiệm thu Số : 051 Chuyển khoản, chuyển tiền điện tử Lập ngày 17/05 /2015		Phần do ngân hàng ghi
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát Tại ngân hàng : Vietcombank CNHP-Số 275 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng		Tài khoản Nợ
Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH XNK Ngọc Hà. Số TK: 011208565623149. Tại ngân hàng: Vietcombank CNHP-Số 275 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng		Tài khoản Có:
Số tiền bằng chữ: Sáu trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./ Nội dung thanh toán: thanh toán tiền hàng.		Số tiền bằng số: 618.750.000đ
Đơn vị trả tiền Kế toán Chủ TK	Ngân hàng Ghi sổ ngày: Ktoán K.T.Trưởng	Ngân hàng..... Ghi sổ ngày..... Ktoán K.T.Trưởng

Ngày 17 tháng 05 năm 2015

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Ngân hàng Vietcombank

Mã GDV: NGUYEN VAN VIET

Chi nhánh: Hải Phòng

Mã KH: 1508

SốGD:229

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 17/05/2015

Số tài khoản: 102010000201065

Tên Tk: **Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát .**

Địa chỉ: Số 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Ngân hàng: Vietcombank CN Hải Phòng

Người nộp tiền: Phạm Huy Hoàng

Họ và tên: **Công ty TNHH Thương mại XNK Ngọc Hà**

Địa chỉ: Số 10 Tổ An Trì 1, Hùng Vương, Q.Hồng Bàng ,Hải Phòng

Nội dung nộp: trả tiền hàng.

Số tiền : 618.750.000VND

Viết bằng chữ: Sáu trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./

Dành cho ngân hàng ghi

Số tiền mặt nộp: **618.750.000**

Tiền ghi có TK : **618.750.000**

Mã VAT khách hàng 3200276064

Thanh toán viên

(ký, họ tên)

Kiểm soát

(ký, tên)

thủ quỹ

(ký, tên)

Giám đốc

(ký, t

2.2.2.3.2 Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng.

VD6: Ngày 22/05/2015 mua 1 máy bơm ở Công ty Ngũ Phúc

Nguyên giá :65.000.000(VAT10%), đã trả bằng TGNH.

Từ Hóa đơn GTGT số 000236 của Công ty Ngũ Phúc

thủ quỹ tiến hành ghi ủy nhiệm chi để ngân hàng chuyển tiền trả.

Khóa luận tốt nghiệp

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 22 tháng 05 năm 2015

Mẫusố:01GTKT3/001

Ký hiệu:AA/14P

Số:0000236

Đơn vị bán hàng: Công ty Ngũ Phúc

Mã số thuế: 0200785117

Địa chỉ:số 3B, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại 0313722961.

Tài khoản 020047536912894 tại ngân hàng Vietcombank CN HP

Họ tên người mua hàng: Trần Quang Hợp

Tên đơn vị: Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Mã số thuế: 0200570920

Địa chỉ: 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Máy bơm nước IC-33A	Chiếc	1	65.000.000	65.000.000

Cộng tiền hàng: 65.000.000

Tiền thuế GTGT(10%) 6.500.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 71.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng

Người bán hàng

Khóa luận tốt nghiệp

Ủy nhiệm chi Số : 134 Chuyển khoản Lập ngày 22 /05 /2014.		Phần do ngân hàng ghi
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty Ngũ Phúc Số TK: 020047536912894 Tại ngân hàng : Vietcombank CNHP-Số 275 Lạch Tray,Ngô Quyền,Hải Phòng		Tài khoản Nợ
Tên đơn vị trả tiền: Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát Tại ngân hàng: Vietcombank CNHP		Tài khoản Có:
Số tiền bằng chữ: Bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./ Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua máy bơm.		Số tiền bằng số: 71.500.000đ
Đơn vị trả tiền Kế toán Chủ TK	Ngân hàng Ghi sổ ngày: Kếtoán K.T.Trưởng	Ngân hàng..... Ghi sổ ngày..... Kếtoán K.T.Trưởng

Khi ngân hàng chuyển số tiền mua máy bơm Công ty Ngũ Phúc ngân hàng gửi giấy báo nợ về cho công ty để kế toán sử dụng ghi sổ sách kế toán.

Khóa luận tốt nghiệp

Ngân hàng Vietcombank

Mã GDV: TRAN VAN TIEN

Chi nhánh: Hải Phòng

Mã KH: 1405

SốGD: 023

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 22-05-2014

Kính gửi: Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Mã số thuế: : 0200570920

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đang ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tiền bằng số : 71.500.000đ

Số tiền bằng chữ : Bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./

Nội dung: thanh toán tiền mua máy bơm.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị : công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản
Thuận Thiện Phát

Địa chỉ : Số 219 Cụm 3 Phường Đông
Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ Nhật kí chung

Năm 2015

CT		Diễn Giải	Đã Ghi Sc	STT dòng	Tk Đối ứng	Số tiền	
SH	NT					Nợ	Có
	
HĐ 0235	20/5	Bán 1500kg tôm sú cho Ngọc Hà			112 511 3331 632 156	618.750.000 450.000.000	562.500.000 56.250.000 450.000.000
	
HĐ 0236	22/5	Mua máy bơm			211 133 112	65.000.000 6.500.000	71.500.000
	
		Cộng				70.994.986.165	70.994.986.165

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Đã kí)

Kế toán trưởng

(Đã kí)

Giám đốc

(Đã kí,Đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị : công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản
Thuận Thiện Phát

Địa chỉ : Số 219 Cụm 3 Phường Đông
Khê, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu TK: 112

Tháng 05 Năm 2015

Chứng từ		Diễn giải	Tk Đôi ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu tháng</u>		<u>220.380.567</u>	
	
HĐ 000023 5	20/5	Bán 1500kg tôm sú cho Ngọc Hà	511 3331	562.500.000 56.250.000	
	
HĐ 000023 6	22/5	Mua máy bơm	211 133		65.000.000 6.500.000
	
		Cộng		986.452.000	792.391.545
		<u>Số dư cuối tháng</u>		<u>414.441.022</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2015

Người ghi sổ

(Đã kí)

Kế toán trưởng

(Đã kí)

Giám đốc

(Đã kí, Đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Vietcombank CN Hải Phòng.

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: TK 112.

Trích tháng 05 năm 2015

Chứng từ		Diễn giải	Tk Đôi ứng	Số tiền		Tồn
SH	NT			Thu vào	Chi ra	
		<u>Số dư đầu tháng</u>				<u>220.380.567</u>
			
HĐ 00002 35	20/5	Bán 1500kg tôm sú cho Ngọc Hà	511 3331	562.500.000 56.250.000		
	
HĐ 00002 36		Mua máy bơm	211 133		65.000.000 6.500.000	
		Cộng phát sinh		986.452.000	792.391.545	
		<u>Số dư cuối tháng</u>				<u>414.441.022</u>

Ngày 31 tháng 5 năm 2015

Người ghi sổ
(Đã kí)

Kế toán trưởng
(Đã kí)

Giám đốc
(Đã kí,Đóng dấu)

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát đã trải qua rất nhiều khó khăn, thách thức để tồn tại và phát triển. Công ty với đội ngũ nhân viên có năng lực, nhiệt tình có năng lực được đào tạo cơ bản, thường xuyên có những sáng kiến đóng góp trong hoạt động kinh doanh, góp phần quan trọng trong sự phát triển, khẳng định được vị trí của mình.

Trong quá trình kinh doanh, công ty đã thực hiện tốt những kế hoạch nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể và đạt doanh thu rất cao.

Công ty với tư cách là một chủ thể kinh tế, làm việc và đóng góp theo quy định của nhà nước với mục đích đạt được lợi nhuận nhiều nhất, với sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như ngoài nước đã tạo không ít khó khăn cho công ty, đặc biệt là giá các sản phẩm không được ổn định.

Đứng trước nhiều thách thức nhưng công ty luôn tìm hiểu để có được những biện pháp tối ưu nhất để hạch toán vốn bằng tiền, nhằm đạt hiệu quả cao nhất thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, phòng tài chính kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty, với các ghi chép ban đầu, thu thập số liệu giản đơn gửi về phòng tài chính kế toán, kế toán trưởng trực tiếp phụ trách phòng kế toán công ty.

Bộ máy kế toán được công ty tổ chức một cách hợp lý và hoạt động rất khoa học, tuân thủ các luật do nhà nước đề ra.

Để không ngừng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán công ty đã tìm hiểu, phân tích những đặc trưng nền kinh tế thị trường và các yếu tố khác tác động đến tổ chức

công tác kế toán, để có những giải pháp hữu hiệu nhất để đạt được mục tiêu đã đề ra.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng về công tác kế toán vốn bằng tiền tại CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát, được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc công ty, phòng kế toán và các phòng ban liên quan đã giúp em được trải nghiệm áp dụng những kiến thức lí thuyết được học trên ghế nhà trường áp dụng vào thực tế.

Từ những hiểu biết của mình em xin có một số ý kiến nhận xét về công tác hạch toán kế toán và tình hình sản xuất của công ty CP nuôi trồng thủy sản Thuận Thiện Phát.

3.1.1. Ưu điểm, nhược điểm công tác kế toán vốn bằng tiền.

3.1.1.1 Ưu điểm

- **Về tổ chức bộ máy kế toán.**

Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát tổ chức mô hình tập trung, phòng tài chính kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty, các kế toán viên làm nhiệm vụ ghi chép các nghiệp vụ phát sinh ban đầu, thu thập những số liệu giản đơn gửi về phòng tài chính kế toán, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và làm các sổ sách kế toán liên quan. Có thể nói đây là một tổ chức phù hợp với quy mô sản xuất, kinh doanh hiện tại của công ty.

Công ty những nhân viên kế toán giàu kinh nghiệm, có trình độ nhiệt tình và có sự nhạy bén, vận dụng linh hoạt trong việc xử lý các nghiệp vụ phát sinh và tổng hợp các thông tin kế toán.

Từ việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lệ chứng từ được tiến hành rất kỹ lưỡng, cẩn thận đảm bảo chính xác, hợp lý, rõ ràng... Mọi số liệu sau khi đã được tổng hợp đều được kế toán trưởng kiểm tra.

Công tác hạch toán của công ty nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng luôn được công ty quan tâm chặt chẽ và không ngừng hoàn thiện.

- **Về hình thức kế toán**

Công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”, hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và phù hợp với quy mô và điều kiện kế toán của công ty. Công ty đã thực hiện tốt việc hạch toán

vốn bằng tiền, cung cấp các số liệu chính xác, có thật, kịp thời và đầy đủ cần thiết cho việc quản lý, xử lý giúp công ty sử dụng vốn sao cho có hiệu quả.

- **Về chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng.**

Sổ sách của công ty được ghi một cách rõ ràng, rành mạch. Công ty đã xây dựng một hệ thống các loại chứng từ kế toán quy định cho các nghiệp vụ kinh tế khác nhau đảm bảo tính pháp lý.

Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện một cách linh hoạt, đúng trình tự khoa học thuận lợi cho việc ghi chép cũng như kiểm tra và được sử dụng theo mẫu biểu của Bộ tài chính ban hành.

Các chứng từ sau khi được tổng hợp được bảo quản theo đúng chế độ lưu trữ tài liệu kế toán của nhà nước. Các nghiệp vụ phát sinh được ghi chép hàng ngày nên thông tin mang tính liên tục, chính xác.

Công ty bảo quản tiền mặt trong két để đảm bảo tính an toàn tránh tình trạng tham ô lãng phí. Đặc biệt thủ quỹ là người trung thực, có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không phải là nhân viên kế toán đảm bảo tính công khai rõ ràng.

Đối với tiền gửi ngân hàng, kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với các ngân hàng công ty làm việc. Các chứng từ được cập nhật và đối chiếu thường xuyên với Ngân hàng giúp quản lý dễ dàng và chặt chẽ hơn.

Qua đây ta thấy công ty đã đảm bảo tính thống nhất về phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu luôn chính xác, hợp lý, rõ ràng và thống nhất.

- **Về bộ máy quản lý.**

Mô hình quản lý của công ty được xây dựng một cách khoa học, hợp lý. Công ty có những biện pháp quản lý cũng như phân chia từng phòng ban khác nhau sao cho đạt hiệu quả công việc cao nhất còn tạo điều kiện tốt nhất để các khâu, các bộ phận hoạt động, liên kết với nhau nhịp nhàng, tạo điều kiện cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty thuận lợi nhất.

Ban lãnh đạo là những người có trách nhiệm luôn quan tâm chăm sóc đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.

Công ty có đội ngũ nhân viên giỏi, có trình độ năng lực tốt luôn có những chế độ khen thưởng kịp thời khuyến khích người lao động làm việc.

B.Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục.

Công ty không sử dụng tài khoản 113 – “ tiền đang chuyển” nên đôi khi không phản ánh đúng tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền.

Khi giao dịch với các doanh nghiệp khác nhiều doanh nghiệp nợ tiền công ty trong thời gian dài nhưng kế toán không tiến hành trích các khoản dự phòng phải thu khó đòi, ảnh hưởng việc thu hồi vốn.

Về việc thanh toán lương : Công ty thường trả lương cho CNV vào ngày 29 hàng tháng nên cần một khoản tiền mặt tương đối lớn để chi trả làm ảnh hưởng đến dòng tiền ra của doanh nghiệp.

Vào thời điểm cuối tháng công ty thường phải thanh toán, chi trả tiền hàng với lượng tiền lớn nhưng không trả lương đúng ngày sẽ làm ảnh hưởng uy tín công ty.

Công ty có thủ quỹ trung thực có trình độ chuyên môn nhưng công tác kiểm kê định kỳ chưa được thủ quỹ kiểm tra thường xuyên cập nhật đối chiếu số liệu kế toán và số thực tế có thể làm ảnh hưởng đến thời gian xử lý và việc quản lý tiền mặt của công ty.

Hiện tại công ty chưa có phần mềm kế toán riêng biệt nên việc thực hiện vẫn tốn thời gian trong việc ghi chép, tổng hợp, đặc biệt cuối kỳ kế toán khối lượng công việc lớn làm nhân viên kế toán phải làm thêm giờ.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản Thuận Thiện Phát .

Ý kiến 1: Hoàn thiện về việc ứng dụng phần mềm kế toán

Việc áp dụng kế toán thủ công rất mất thời gian, vẫn còn sai sót do thiếu sót hay nhầm lẫn (trong phạm vi cho phép) nên sử dụng phần mềm sẽ hỗ trợ cho nhân viên kế toán rất nhiều: tiết kiệm thời gian, công sức, đơn giản, nhanh gọn và dễ nhìn dễ theo dõi, đối chiếu hay kiểm tra..

Giải pháp:

Công ty có thể sử dụng các phần mềm được nhiều doanh nghiệp sử dụng và được thao tác dễ dàng trên máy tính có tác dụng cao nhất giúp công ty hạch toán được chính xác và đơn giản nhất qua sự ghi sổ của kế toán trên phần mềm. Một trong số những phần mềm dễ sử dụng và được áp dụng nhiều hiện nay :

- ✓ Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012.
- ✓ Phần mềm kế toán Fast Accounting.

➤ **Phần mềm Misa:**

Phần mềm kế toán MISA là hệ thống các chương trình máy tính, tự động xử lý các thông tin kế toán từ khâu lập chứng từ gốc, phân loại chứng từ, ghi chép sổ sách, xử lý thông tin chứng từ, sổ sách theo chế độ kế toán đến khâu in sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, kế toán quản trị, thống kê phân tích tài chính khác.

A.Ưu điểm của phần mềm kế toán MISA

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đang dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).
- Nếu dùng phần mềm đóng gói thì giá thành sẽ rẻ, chi phí triển khai sẽ được tiết kiệm và thời gian triển khai sẽ ngắn và dễ dàng hơn.



Giao diện chính của phần mềm kế toán Misa

B.Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà SX chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

C.Tính năng của phần mềm kế toán MISA

MISA là phần mềm kế toán được thiết kế từ nhiều phân hệ độc lập, tích hợp

với nhau tạo thành một hệ thống quản trị tài chính chặt chẽ. Phần mềm kế toán MISA được phát triển trên nền tảng công nghệ mới nhất – Microsoft.NET, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt, tự động hóa tất cả các nghiệp vụ kế toán, dữ liệu tài chính được cập nhật từng giây, là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong công tác hạch toán kế toán phần mềm có những tính năng sau:

-Thể hiện tính chính xác: Luôn tuân thủ các quy định về kế toán của bộ tài chính, tự động xử lý thông tin đảm bảo tính chính xác

-Tính hiệu quả cao: Có khả năng nâng cấp, sửa đổi bổ xung phù hợp với những thay đổi của chế độ kế toán, chính sách tài chính mà không ảnh hưởng đến các dữ liệu đã có, đảm bảo tính bảo mật và an toàn cao.

-Tính chuyên nghiệp sâu: Thể hiện ở các nghiệp vụ trong tài chính được liên kết chặt chẽ với nhau theo một hệ thống nhất định.

Ý kiến 2: Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển” vào hạch toán.

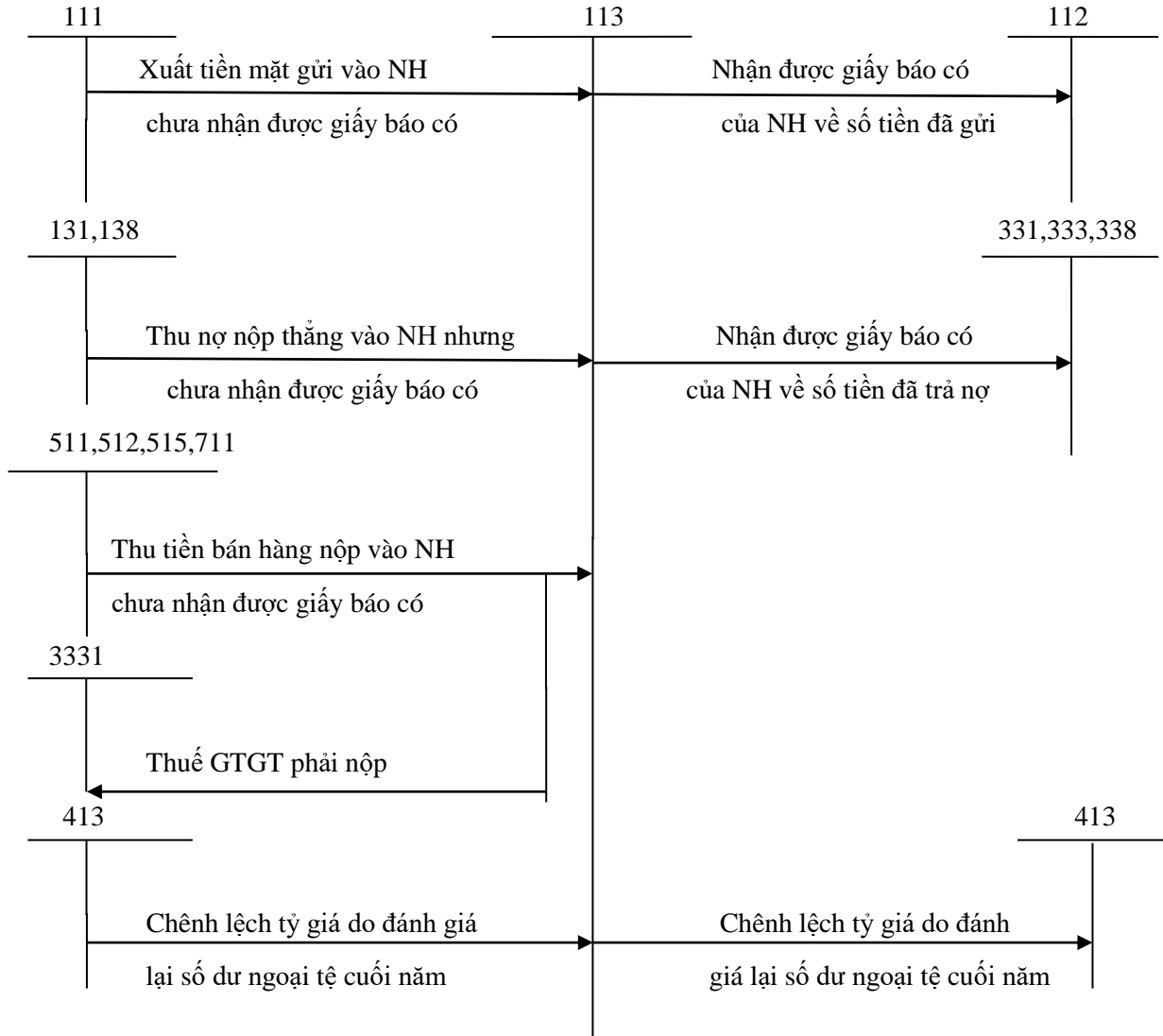
Trong trường hợp tiền mặt đã xuất khỏi quỹ đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước, gửi vào bưu điện để thanh toán, giao dịch với đơn vị khác nhưng chưa có giấy báo có của ngân hàng, khách hàng, do không sử dụng tài khoản 113 mà công ty phải chờ vài ngày sau khi đầy đủ chứng từ mới hạch toán.

Vì vậy việc phản ánh số dư công nợ trên báo cáo tài chính chưa được chính xác. Bởi vậy việc sử dụng tài khoản 113 là vô cùng cần thiết.

Giải pháp:

Công ty nên sử dụng tài khoản 113 theo sơ đồ sau để đảm bảo tính chính xác, hợp lý trong hạch toán:

+ Hạch toán tiền đang chuyển.



Ý kiến 3: Hoàn thiện việc tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ hoặc đột xuất.

Khi sổ sách kế toán và sổ quỹ tiền mặt có chênh lệch kế toán và thủ quỹ cần kiểm tra và đối chiếu lại để tìm ra sai sót và tìm cách xử lý.

Nếu không kiểm kê quỹ thường xuyên thì sẽ không phát hiện sai sót, chênh lệch sớm sẽ mất thời gian kiểm tra cũng như có thể gây mất mát lớn ảnh hưởng nguồn vốn cũng như phải chịu trách nhiệm về sai sót.

Giải pháp:

Khóa luận tốt nghiệp

Cần kiểm tra quỹ thường xuyên, cũng có thể kiểm tra đột xuất hay khi bàn giao quỹ, biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê. Thủ quỹ cần phải ghi sổ quỹ hàng ngày theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải kiểm tra các sổ quỹ, phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê, mọi khoản chênh lệch cần phải báo ban giám đốc để tìm cách giải quyết.

Cần kiểm kê riêng từng loại tiền khi có chênh lệch cần ghi rõ nguyên nhân thừa thiếu.

Bảng kiểm kê quỹ được lập thành 2 bản, một bản thủ quỹ giữ, một bản lưu ở kế toán, giúp tăng cường công tác quản lý tiền mặt tại quỹ.

Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)

Có TK 111 – Tiền mặt.

Mẫu bảng kiểm kê quỹ

Khóa luận tốt nghiệp

Biên bản kiểm kê quỹ dùng cho đồng Việt Nam

Đơn vị:

Bộ phận:

Mẫu số: 08a-TT

(Ban hành theo Quyết định số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ (Dùng cho VNĐ)

Số:

Hôm nay, vào.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: Đại diện kế toán

Ông/Bà: Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà: Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II)	x

- Lý do:

+Thừa:

+Thiếu:

-Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị : công ty CP Nuôi trồng Thủy Sản
Thuận Thiện Phát

Mẫu số 08a - TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

Địa chỉ : 219 Cụm 3 Phường Đông Khê, Q.Ngô
Quyền, TP Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Biên bản kiểm kê quỹ dùng cho đồng Việt Nam

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào 17 giờ ngày 30 tháng 6 năm 2015

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: Nguyễn Thị Lương Đại diện kế toán

Ông/Bà: Bùi Thị Mai Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà: Trần Đức Hòa Đại diện Ban giám đốc

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x	189.000.000
II	Số kiểm kê thực tế	x	189.000.000
1	Trong đó:		
2	- Loại: 500.000	100	50.000.000
3	- Loại 200.000	300	60.000.000
4	- Loại 100.000	390	39.000.00
5	- Loại 50.000	750	37.500.000
6	-Loại 10.000	250	25.000.000
III	Chênh lệch (III = I – II)	x

- Lý do:

+Thừa:.....

+Thiếu:

-Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê